



**MPI** Uỷ nhiệm bởi  
Federal Ministry  
for Economic Cooperation  
and Development

**gtz**

**Văn phòng GTZ Hà Nội**  
Tầng 6 Hanoi Towers  
49 Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (84-4) 934 4951  
Fax: (84-4) 934 4950  
E-Mail: gtz-vietnam@gtz.de  
office.sme@gtz-vietnam.com.vn  
Website: www.gtz.de/vietnam  
www.sme-gtz.org.vn  
www.sme.com.vn

**VCCI**

**Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam**  
Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (84.4) 5742022  
Fax: (84.4) 5742020/ 5742030  
Email: huynhth@vcci.com.vn  
tuanda@vcci.com.vn  
Website: www.vcci.com.vn  
www.vibonline.com.vn

Design by Golden Sky Co., Ltd Tel: 84-4-8834030 Email: info@goldenskyvn.com

**gtz**

**VCCI**



## **MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CHO CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN AN GIANG**

*Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI  
của An Giang năm 2007*

*An Giang - 2008*

**MÔI TRƯỜNG KINH DOANH  
CHO CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN  
AN GIANG**

*Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI  
của An Giang năm 2007*

*An Giang - 2008*



## A - LỜI NÓI ĐẦU

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Dự án Nâng cao Năng lực Cạnh tranh Việt Nam (VNCI) phối hợp xây dựng và thực hiện là chỉ số đo lường và xếp hạng chất lượng điều hành kinh tế của 64 tỉnh, thành phố của Việt Nam dựa trên môi trường kinh doanh cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

Hiểu rõ hơn môi trường kinh doanh dành cho các doanh nghiệp tư nhân của một địa phương ngoài thứ hạng hay điểm số trong chỉ số PCI (những thông tin cho nhu cầu định vị ban đầu) là một yêu cầu cần thiết. Do vậy, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cùng phối hợp với UBND tỉnh An Giang và Chương trình Hỗ trợ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của GTZ cùng xây dựng một báo cáo phân tích chẩn đoán cho An Giang từ kết quả điều tra PCI 2007.

Báo cáo này do nhóm nghiên cứu của Ban Pháp chế, VCCI và các chuyên gia của GTZ gồm ông Trần Hữu Huỳnh, Trưởng Ban Pháp chế và ông Đậu Anh Tuấn, thành viên Ban Pháp chế thực hiện. Hai tác giả đồng thời là thành viên trong nhóm nghiên cứu xây dựng chỉ số PCI.

Báo cáo phân tích này sử dụng nhiều dữ liệu từ kết quả điều tra PCI 2006 và PCI 2007, một nghiên cứu chung của VCCI và VNCI. Nhóm

nghiên cứu cảm ơn sự hỗ trợ và hợp tác rất hiệu quả của VNCI để chúng tôi hoàn thành được báo cáo này.

Báo cáo này cũng đã nhận được sự quan tâm và ủng hộ của ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch VCCI, ông Lâm Minh Chiếu, chủ tịch UBND tỉnh An Giang, bà Trần Thị Đẹp, Phó Giám đốc Sở KHĐT An Giang kiêm Trưởng Ban Điều phối Địa phương Chương trình Phát triển DNNVV Việt Đức tại An Giang, bà Doris Becker, Cố vấn trưởng và ông Lê Duy Bình, Điều phối viên, Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ).

Hà Nội, tháng 4 năm 2008



## B - NỘI DUNG

### 1. Tổng quan về Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI<sup>1</sup>

#### 1.1. Cách tiếp cận và phương pháp xây dựng PCI

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (tên viết tắt tiếng Anh là PCI - Provincial Competitiveness Index) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Dự án Nâng cao Năng lực Cạnh tranh Việt Nam (VNCI) hợp tác xây dựng công bố đầu tiên vào năm 2005 và trở thành hoạt động thường niên từ đó đến nay.

PCI là chỉ số nhằm đánh giá và xếp hạng môi trường kinh doanh và chính sách phát triển tư nhân của 64 tỉnh, thành phố trên cả nước sau khi loại trừ những điều kiện khác biệt về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, quy mô thị trường...

Bằng việc điều tra, khảo sát trên 6.700 doanh nghiệp tư nhân trên cả nước, PCI 2007 là công cụ góp phần phản ánh được tỉnh, thành nào có chất lượng điều hành tốt và được các doanh nghiệp hài lòng. Qua đó giúp các các tỉnh, thành nhận rõ những điểm mạnh, điểm yếu trong môi trường kinh doanh hiện tại cần phải khắc phục để trở nên cạnh tranh hơn so với các tỉnh, thành khác ở Việt Nam.

<sup>1</sup> Thông tin thêm về kết quả, phương pháp của nghiên cứu PCI vui lòng truy website của PCI: [www.pci vietnam.org](http://www.pci vietnam.org) và các Báo cáo PCI 2005, PCI 2006 và PCI 2007

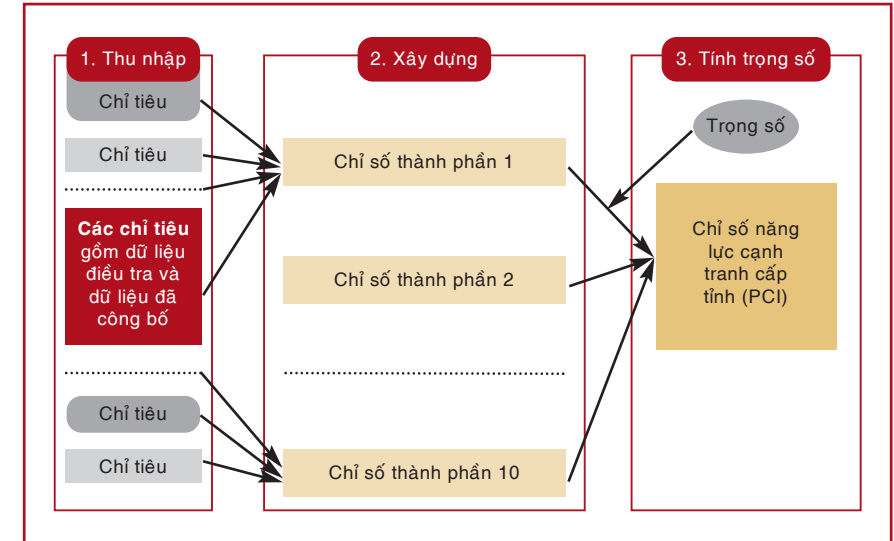
PCI cũng là chỉ số cung cấp thông tin tham khảo cho các nhà đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, kinh doanh; cho chính quyền Trung ương trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách cũng như là công cụ tham khảo cho các chương trình hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ. Những năm vừa qua, PCI cũng đã nhận được sự ủng hộ và hợp tác chặt chẽ từ các cơ quan báo chí, truyền thông, các nhà nghiên cứu, là kinh nghiệm tốt được một số nước tham khảo. Sử dụng dữ liệu điều tra doanh nghiệp, là đánh giá và cảm nhận của doanh nghiệp đối với môi trường kinh doanh địa phương, kết hợp với các dữ liệu tin cậy và có thể so sánh được thu thập từ các nguồn chính thức và các nguồn khác về địa phương, chỉ số PCI xếp hạng năng lực cạnh tranh các tỉnh trên thang điểm 100. Chỉ số PCI là chỉ số tổng hợp bao gồm 10 chỉ số thành phần phản ánh những khía cạnh cạnh quan trọng khác nhau của môi trường kinh doanh cấp tỉnh, những khía cạnh này chịu tác động trực tiếp từ thái độ và hành động của cơ quan chính quyền địa phương. Mười chỉ số thành phần của PCI bao gồm:

- Chi phí gia nhập thị trường
- Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất
- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin
- Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước
- Chi phí không chính thức
- Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (Môi trường cạnh tranh)
- Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh
- Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân
- Thiết chế pháp lý
- Đào tạo lao động

### Hộp 1: Ba bước xây dựng PCI

Quá trình điều tra và xây dựng PCI có thể được chia thành ba giai đoạn chính như sau:

1. Thu thập số liệu: gồm có dữ liệu từ kết quả điều tra 33.000 doanh nghiệp tư nhân trên cả nước và dữ liệu “có sẵn” từ các cơ quan khác như Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Công thương, Tòa án Nhân dân Tối cao, Ngân hàng Thế giới... Giai đoạn thu thập số liệu được đặc biệt chú ý để có được số liệu đáng tin cậy nhất. Quá trình thu thập số liệu điều tra bao gồm việc gửi và nhận phiếu điều tra, nhập số liệu, kiểm tra chéo, có cơ sở dữ liệu tự động không cho nhập những giá trị sai hoặc ngoài khoảng cho phép và công tác kiểm tra và “làm sạch” số liệu.
2. Xây dựng chỉ số thành phần: Để xây dựng 10 chỉ số thành phần của PCI và các chỉ tiêu nhỏ hơn tạo ra từng chỉ số thành phần, nhóm nghiên cứu PCI thực hiện các bước chính:
  - Kiểm định chẩn đoán
  - Chuẩn hóa điểm theo công thức:  $\{9 * ((\text{Điểm chỉ số của tỉnh} - \text{Giá trị nhỏ nhất của mẫu}) / (\text{Giá trị lớn nhất của mẫu} - \text{Giá trị nhỏ nhất của mẫu})) + 1\}$ .
  - Sau đó chỉ số thành phần được tính bằng cách bình quân các chỉ tiêu.
3. Xây dựng chỉ số PCI tổng hợp có trọng số, thể hiện được mức đóng góp của từng chỉ số thành phần đối với sự phát triển số lượng doanh nghiệp, vốn đầu tư và mức lợi nhuận.



### 1.2. Kết quả PCI 2007 của cả nước

Kết quả điều tra PCI năm 2007 cho thấy môi trường kinh doanh cấp tỉnh của Việt Nam đã có những cải thiện đáng khích lệ, có nhiều tiến bộ đáng kể trong giảm Chi phí gia nhập thị trường, các yêu cầu về thủ tục hành chính, thời gian đăng ký và công tác thanh tra, kiểm tra.

Mười tỉnh đứng đầu về chỉ số PCI năm nay bao gồm Bình Dương, Đà Nẵng, Vĩnh Long, Bình Định, Lào Cai, An Giang, Vĩnh Phúc, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Tháp và Thành phố Hồ Chí Minh. Các tỉnh có điểm số tăng nhiều nhất so với năm 2006 (tăng từ 7 đến 13 điểm) là Thừa Thiên Huế, Cà Mau, Tiền Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Bến Tre, Quảng Ngãi và Thanh Hóa.

Chỉ số PCI một lần nữa khẳng định điều hành kinh tế đóng vai trò quan trọng. Quyết định do các lãnh đạo tỉnh đưa ra có tác động rất



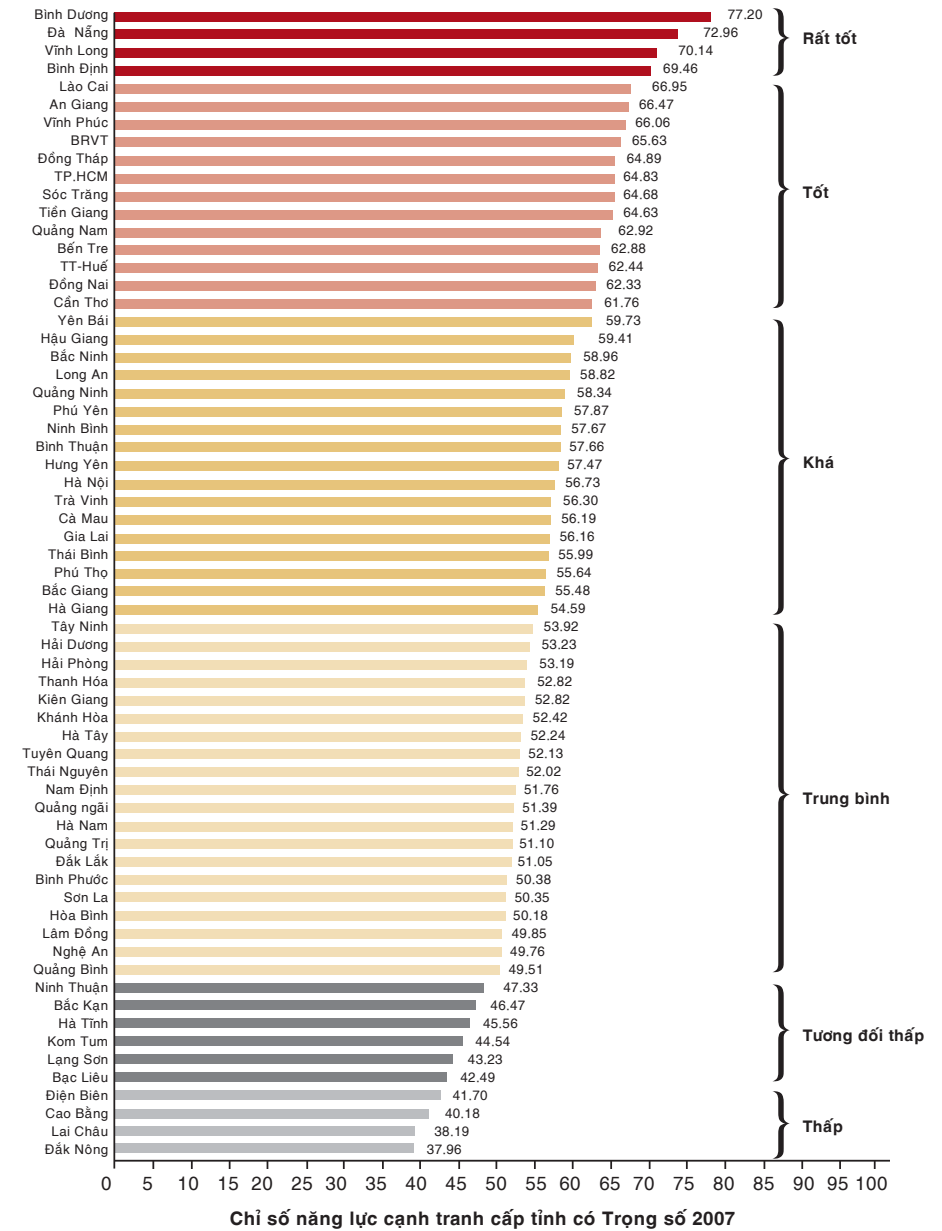
lớn đến việc liệu tỉnh của họ sẽ giàu lên bao nhiêu, đầu tư và thương mại tăng lên hay giảm đi, nhiều hay ít việc làm được tạo ra và mức sống của người dân được cải thiện hay không. Một điểm tăng lên trong điểm số của PCI tỉnh trung vị sẽ dẫn đến: có thêm 8 doanh nghiệp đi vào hoạt động; mức đầu tư mới bình quân đầu người tăng thêm 2,5%; lợi nhuận bình quân trên mỗi doanh nghiệp tăng thêm 4,2 triệu VNĐ (tương đương 260 đô la Mỹ) và GDP bình quân đầu người tăng thêm 1%.

a) *Cải thiện là xu hướng chủ đạo, tuy rằng không đều trên các lĩnh vực*

Qua điều tra PCI 2007 nhìn chung môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2007 đã có những thay đổi tích cực so với thời điểm một năm trước đó. Điểm PCI 2007 trung vị của toàn bộ 64 tỉnh, thành đã tăng 3,15 điểm (từ 52,41 lên 55,56) so với PCI 2006. Điểm của 8 trên 10 chỉ số thành phần đều tăng lên, ngoại trừ hai chỉ số là Đào tạo lao động và Chính sách Phát triển Kinh tế tư nhân. Xu hướng thay đổi của 10 chỉ số thành phần có thể tạm chia thành 3 nhóm: thay đổi nhanh, có thay đổi nhưng chậm và không thay đổi hoặc thay đổi ngược chiều.

Hai chỉ số thay đổi nhanh nhất là Gia nhập thị trường và Chi phí thời gian. Điểm trung vị của chỉ số Gia nhập thị trường từ 7,4/10 năm 2006 tăng lên 7,87 năm 2007, mức tăng là 0,47 điểm; còn điểm trung vị Chỉ số Chi phí thời gian tăng từ 4,42 năm 2006 lên 6,21 năm 2007, mức tăng 1,79 điểm. Nhiều chỉ tiêu trong hai chỉ số này đã có những thay đổi ấn tượng. Chẳng hạn như chỉ số Chi phí gia nhập thị trường: số ngày đăng ký kinh doanh (trung vị) từ 20 ngày năm 2006 đã giảm xuống 15 ngày năm 2007. Số ngày đăng ký kinh doanh lại (trung vị) từ 10 ngày giảm xuống còn 7 ngày, thời gian chờ đợi để được cấp đất (trung vị) giảm từ 231 ngày năm 2006 xuống 90 ngày trong cùng thời gian đó.

KẾT QUẢ XẾP HẠNG PCI NĂM 2007





Nhóm thứ hai là nhóm có thay đổi nhưng còn chậm là các chỉ số Tính minh bạch, Tiếp cận đất đai và Thiết chế pháp lý. Một số lĩnh vực của từng chỉ số này tăng khá nhanh trong khi một số lĩnh vực khác lại chưa tăng tương xứng, thậm chí còn sút giảm. Chẳng hạn như trong chỉ số về tiếp cận đất đai, điều tra PCI 2007 cho thấy xu hướng tích cực như số doanh nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tăng khá ấn tượng từ 55,28% của năm 2006 lên 75,57% năm 2007. Doanh nghiệp cũng có xu hướng yên tâm hơn khi sử dụng mặt bằng kinh doanh hiện có. Mức độ tin cậy theo đánh giá của doanh nghiệp tăng từ mức 2,49 lên 3,76 điểm (theo thang 5 điểm trong đó 1 là rủi ro cao nhất và 5 là rủi ro thấp nhất). Trong khi đó, vẫn có 64,77% doanh nghiệp cho rằng thiếu mặt bằng kinh doanh đang là cản trở đối với việc mở rộng kinh doanh, tăng không đáng kể từ mức 64,27% của năm 2006. Hoặc vẫn còn nhiều doanh nghiệp chưa yên tâm về việc sẽ được bồi thường thỏa đáng nếu bị thu hồi đất, chỉ có 40,76% tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng, tăng không đáng kể so với mức 40% của năm 2006 trước đó...

Trong nhóm còn lại, các chỉ số Tính năng động của lãnh đạo tỉnh, Ưu đãi đối với DNNN và Chi phí không chính thức không thay đổi nhiều so với năm trước. Hai chỉ số Đào tạo lao động và Chính sách phát triển kinh tế tư nhân là hai chỉ số rất đáng lưu ý vì có điểm số giảm xuống so với năm 2006. Điểm số trung vị của chỉ số Chính sách phát triển kinh tế tư nhân giảm từ 4,88 xuống 4,71 năm 2007 còn chỉ số Đào tạo lao động giảm từ 5,1 xuống 5,02. Điều tra PCI 2007 cho thấy rằng chất lượng lao động có tay nghề và các dịch vụ hỗ trợ tuyển dụng lao động hiện chưa đáp ứng tốt yêu cầu của các doanh nghiệp dân doanh. Trong cả hai năm 2006 và 2007, chỉ có 56% doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ đào tạo nghề, gần 50% hài lòng với dịch vụ giới thiệu việc làm. Cả hai con số này đều thấp hơn đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng giáo dục phổ thông nói chung (73%).

#### b) Khác biệt giữa các vùng, miền

Điều tra PCI 2007 cho thấy có sự khác biệt về điều hành kinh tế giữa khu vực thành phố và nông thôn, giữa các tỉnh miền Nam và miền Bắc và giữa các vùng kinh tế của Việt Nam.

5 thành phố trực thuộc Trung ương (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Cần Thơ) có bình quân điểm số PCI cao hơn khoảng 6,8 điểm so với 59 tỉnh còn lại (61,89 so với 55,06). Những lĩnh vực lợi thế của các thành phố so với các tỉnh là chỉ số Đào tạo lao động và Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Khác biệt này có thể giải thích được vì các thành phố lớn của Việt Nam thường có nhiều nguồn lực hơn để thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ kinh doanh, có nhiều trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp, các trường dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm hay tổ chức được nhiều hội chợ, các sự kiện xúc tiến thương mại và đầu tư hơn... Ngoài ra, các hiệp hội doanh nghiệp ở các thành phố lớn cũng nhiều hơn, thường năng động và có ảnh hưởng lớn hơn so với tại các tỉnh.

Lấy tỉnh Quảng Trị trở ra là mốc để tạm phân biệt miền Bắc và miền Nam thì nhìn chung các tỉnh miền Nam trong xếp hạng PCI 2007 có điểm số cao hơn 5,68 điểm so với các tỉnh miền Bắc (58,26 so với 52,58). 7 trên 10 chỉ số thành phần của các tỉnh miền Nam có điểm cao hơn đáng kể so với bình quân các tỉnh miền Bắc, đó là chỉ số Tiếp cận đất đai, Tính minh bạch, Chi phí thời gian, Tính năng động, Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân, Đào tạo lao động và Thiết chế pháp lý. Các chỉ số còn lại như Chi phí gia nhập thị trường, Chi phí không chính thức và Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước gần như đồng nhất trên cả hai miền.

Cách phân biệt khác là phân biệt theo 7 vùng lãnh thổ như cách phân chia của Tổng cục Thống kê bao gồm Đồng bằng sông Hồng, các tỉnh



miền núi phía Bắc, duyên hải Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. 3 vùng có điểm số PCI 2007 trung bình cao nhất cả nước, đó là Duyên hải Nam Trung Bộ với 61,35 điểm, đồng bằng sông Cửu Long 60,22 điểm và Đông Nam Bộ 59,79 điểm. Các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ được doanh nghiệp đánh giá cao ở các chỉ số Chi phí gia nhập thị trường; các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long lại nổi trội ở chỉ số Tiếp cận đất đai và Thiết chế pháp lý. Một số vùng đặc biệt kém hơn cả nước đối với một số lĩnh vực như miền núi phía Bắc với chỉ số Tính minh bạch, Chi phí thời gian và Chính sách phát triển kinh tế tư nhân; các tỉnh duyên hải Bắc Trung bộ với chỉ số Chi phí không chính thức, Tính năng động và Chính sách phát triển kinh tế tư nhân; các tỉnh Tây nguyên với các lĩnh vực Chi phí thời gian, Tính năng động và Đào tạo lao động.

#### c) Nguy cơ tụt hậu của các tỉnh nhóm cuối

Như đã được chứng minh qua kết quả nghiên cứu PCI, yếu tố rất quan trọng góp phần tạo ra sự khác biệt về phát triển kinh tế giữa các tỉnh là chất lượng điều hành kinh tế, điều hành kinh tế tốt sẽ đem lại tăng trưởng kinh tế và sự thịnh vượng cho các tỉnh.

Tuy vậy, thay đổi trong điều hành kinh tế của các tỉnh (thể hiện qua mức độ tăng điểm của chỉ số PCI giữa các năm 2005, 2006 đến 2007) những năm qua là không giống nhau. Điển hình như 6 nhóm tỉnh từ Rất tốt cho đến Thấp trong bảng xếp hạng PCI năm 2006 có tốc độ cải cách điều hành kinh tế không đều nhau. Các tỉnh trong nhóm xếp hạng PCI Tốt năm 2006 thay đổi nhanh hơn các tỉnh trong nhóm Khá. Các tỉnh nằm trong nhóm xếp hạng PCI Thấp năm 2006 lại cải thiện gần như chậm nhất trong 6 nhóm. Nếu xu hướng này còn tiếp tục trong những năm tới thì có thể dự đoán được một số tỉnh sẽ tụt hậu ngày càng xa hơn so với các tỉnh khác về chất lượng điều hành kinh tế và phát triển kinh tế.

## 2. Tổng quan chung về các doanh nghiệp An Giang trong điều tra PCI 2007

Năm 2007, VCCI và VNCI tiến hành gửi Phiếu Điều tra<sup>2</sup> cho 500 doanh nghiệp tư nhân tại An Giang, kết quả nhận được 99 phản hồi từ các doanh nghiệp, tỷ lệ phản hồi là 19,8%, thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (20,89%)<sup>3</sup>.

Theo kết quả điều tra PCI 2007 của tỉnh An Giang thì trong các doanh nghiệp trả lời Phiếu điều tra có 4 doanh nghiệp được thành lập trước năm 1986, 2 doanh nghiệp thành lập từ giai đoạn 1986 đến 1989, 16 doanh nghiệp giai đoạn 1990 – 1994, 10 doanh nghiệp giai đoạn 1995 - 1999, 32 doanh nghiệp giai đoạn 2000 – 2004. Thành lập nhiều nhất là giai đoạn từ năm 2005 trở lại nay, chỉ trong hơn 3 năm nhưng có 33 doanh nghiệp, chiếm hơn 34% tổng số các doanh nghiệp điều tra.

Qua khảo sát thì có 27 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư trước năm 2000, thời điểm Luật Doanh nghiệp 1999 có hiệu lực, chiếm tỷ lệ là 27,84%. Các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh từ năm 2000 đến nay chiếm tỷ lệ là 72,16%<sup>4</sup>.

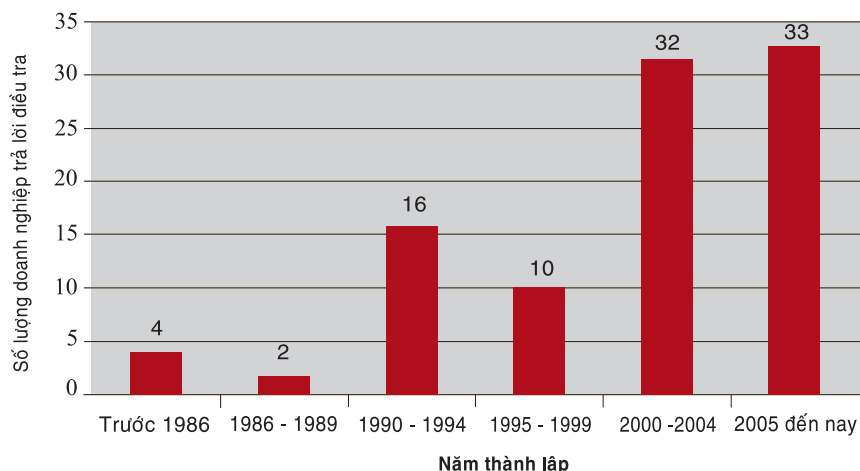
<sup>2</sup> Điều tra PCI là một cuộc điều tra xã hội học, quy trình lấy mẫu, kiểm định mẫu được thực hiện công phu và khoa học, nhằm đảm bảo chỉ cần một số lượng nhất định các doanh nghiệp trả lời phiếu điều tra có thể đại diện cho toàn bộ các doanh nghiệp tại địa phương đó. Xem Phụ lục 4 các thông tin về mẫu điều tra PCI của An Giang và tổng thể các doanh nghiệp tại An Giang. Phân tích về phương pháp lấy mẫu và kiểm định mẫu tại Báo cáo PCI 2005 và PCI 2006.

<sup>3</sup> Điều tra PCI 2006 cũng có một tỷ lệ phản hồi tương tự, khi VCCI gửi 500 phiếu điều tra và nhận được 94 phiếu phản hồi, tỷ lệ phản hồi là 18,8%.

<sup>4</sup> Có 2 doanh nghiệp không trả lời câu hỏi về năm đăng ký kinh doanh.

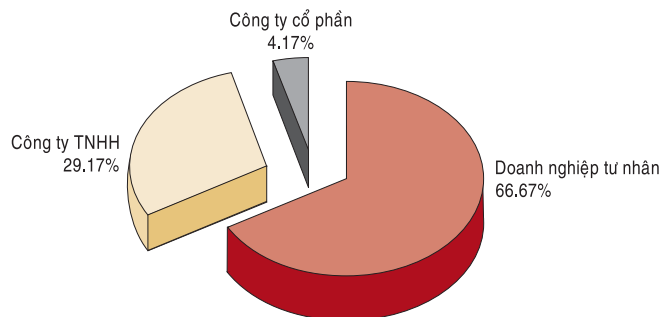


**Hình 1: Năm thành lập của các doanh nghiệp An Giang trong diện điều tra**



Trong các doanh nghiệp của An Giang trả lời Phiếu Điều tra năm 2007 chủ yếu là công ty TNHH và doanh nghiệp tư nhân, hai loại hình này chiếm đến 95,83% các doanh nghiệp tham gia trả lời điều tra, trong đó tỷ lệ các công ty TNHH là 29,17%, doanh nghiệp tư nhân là 66,67%. Các công ty cổ phần chiếm tỷ lệ là 4,17%.

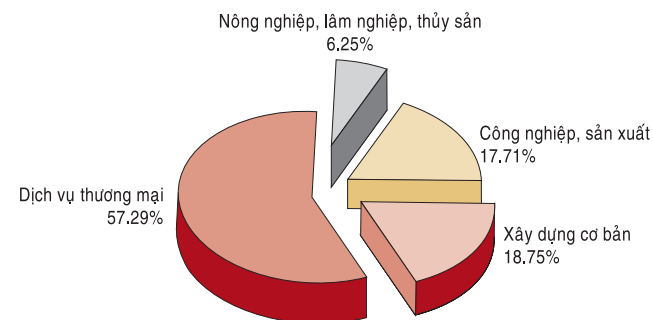
**Hình 2: Loại hình của các doanh nghiệp An Giang trong diện điều tra**



Tại An Giang, các doanh nghiệp trong điều tra PCI kinh doanh ngành nghề nhiều nhất là nhóm ngành dịch vụ, thương mại (chiếm 57,29%), tiếp đến là xây dựng cơ bản (18,75%), công nghiệp, sản xuất (17,71%) và các ngành nghề liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (chiếm 6,25%)<sup>5</sup>.

Trong các doanh nghiệp trả lời điều tra PCI năm 2007 của An Giang đáng lưu ý là có đến 63,64% doanh nghiệp qua điều tra vốn là hộ kinh doanh trước đây.

**Hình 3: Ngành nghề của các doanh nghiệp An Giang trong diện điều tra**



Doanh nghiệp dân doanh tại An Giang đa phần vẫn là các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Tính đến 31 tháng 12 năm 2006 có hơn 30,34% doanh nghiệp qua điều tra có tổng vốn kinh doanh ít hơn 1 tỷ đồng. Đáng lưu ý là so với một năm trước đó (năm 2005) thì tỷ lệ này tương ứng là 41,64%.

Năm 2005 có 7 doanh nghiệp có tổng vốn kinh doanh lớn hơn 5 tỷ đồng nhưng sang năm 2006 đã có 15 doanh nghiệp có tổng vốn kinh doanh lớn hơn 5 tỷ đồng. Trong các doanh nghiệp trả lời phiếu điều tra, có 3 doanh nghiệp có quy mô vốn kinh doanh lớn hơn 50 tỷ đồng.

<sup>5</sup> Doanh nghiệp được tính thuộc nhóm ngành nghề nào nếu doanh số ngành nghề đó lớn hơn 50% tổng doanh số của doanh nghiệp đó tính đến hết năm 2006.



**Bảng 1: Quy mô vốn kinh doanh của doanh nghiệp An Giang**

Tổng vốn kinh doanh	An Giang (Thời điểm 31/12/2006) Đơn vị: %	Cả nước (Thời điểm 31/12/2006) Đơn vị: %
Dưới 0,5 tỷ đồng	14,61	15,28
Từ 0,5 đến dưới 1 tỷ đồng	15,73	19,69
Từ 1 đến dưới 5 tỷ đồng	52,81	44,14
Từ 5 đến dưới 10 tỷ đồng	10,11	11,80
Từ 10 đến dưới 50 tỷ đồng	3,37	7,16
Từ 50 đến dưới 200 tỷ đồng	2,25	1,51
Từ 200 đến 500 tỷ đồng	1,12	0,24
Trên 500 tỷ đồng	0	0,16
<i>Tổng số</i>	<i>100</i>	<i>100</i>

Phần lớn các doanh nghiệp dân doanh tại An Giang có quy mô dưới 50 lao động. Theo kết quả điều tra năm 2007, đến 86,17% doanh nghiệp qua điều tra sử dụng dưới 50 lao động. Chỉ có 6,39% doanh nghiệp qua điều tra sử dụng từ 200 lao động trở lên. Đặc biệt, có hai doanh nghiệp qua điều tra sử dụng trên 1.000 lao động.

**Bảng 2: Quy mô sử dụng lao động của doanh nghiệp An Giang**

Tổng số lao động sử dụng	An Giang (Thời điểm 31/12/2006) Đơn vị: %	Cả nước (Thời điểm 31/12/2006) Đơn vị: %
Ít hơn 5 lao động	14,89	12,81
Từ 5 đến 9 lao động	25,53	22,48
Từ 10 đến 49 lao động	45,74	40,89
Từ 50 đến 199 lao động	7,45	17,51
Từ 200 đến 299 lao động	2,13	2,75
Từ 300 đến 499 lao động	2,13	1,83
Từ 500 đến 1.000 lao động	0	1,11
Trên 1.000 lao động	2,13	0,62
<i>Tổng số</i>	<i>100</i>	<i>100</i>

Qua điều tra, nhìn chung hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dân doanh của An Giang khá khả quan. Năm 2006 có 9,89% doanh nghiệp cho biết thua lỗ, trong đó có 1,1% thua lỗ lớn. Hầu hết các doanh nghiệp thua lỗ đều thành lập từ năm 2000 đến nay (8 trên 9 doanh nghiệp), trong đó 66,66% doanh nghiệp thua lỗ mới thành lập từ năm 2005 đến nay. Trong 9 doanh nghiệp cho biết bị thua lỗ, có 77,78% là các doanh nghiệp tư nhân, chỉ có 2 công ty TNHH (chiếm 22,22%).

Trong 9 doanh nghiệp cho biết thua lỗ nói trên, có đến 7 doanh nghiệp thuộc ngành dịch vụ thương mại, 1 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và 1 doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng cơ bản.

79,12% doanh nghiệp An Giang qua điều tra cho biết năm 2006 đã có lợi nhuận ở các mức khác nhau và 10,99% doanh nghiệp cho biết hòa vốn.

**Bảng 3: Tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp An Giang**

Tình hoạt động kinh doanh	An Giang Năm 2006 (đơn vị tính: %)	Cả nước Năm 2006 (đơn vị tính: %)
Thua lỗ lớn	1,10	1,07
Thua lỗ chút ít	8,79	8,84
Hòa vốn	10,99	10,28
Lợi nhuận dưới 2,5% trên tổng vốn đầu tư	34,07	36,79
Lợi nhuận 2,5% đến 5% trên tổng vốn đầu tư	24,18	23,27
Lợi nhuận 5,1% đến 10% trên tổng vốn đầu tư	12,09	12,10
Lợi nhuận 10,1% đến 20% trên tổng vốn đầu tư	6,59	5,20
Lợi nhuận trên 20% tổng vốn đầu tư	2,20	2,45
<i>Tổng số</i>	<i>100</i>	<i>100</i>

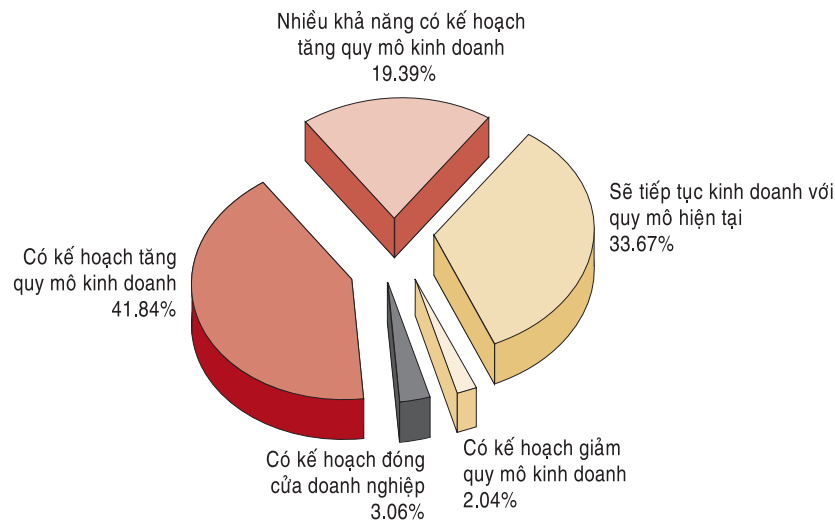


Các doanh nghiệp An Giang tương đối lạc quan với tình hình kinh doanh của mình. Qua điều tra, có đến 61,22% doanh nghiệp cho biết dự kiến tăng quy mô kinh doanh của mình trong hai năm tới. Lưu ý rằng, tỷ lệ lạc quan này thấp hơn bình quân của cả nước là 72,5%.

33,67% doanh nghiệp cho biết trong vòng hai năm tới sẽ tiếp tục kinh doanh với quy mô như hiện tại. Có 2,04% doanh nghiệp không hài lòng với hoạt động kinh doanh của mình, có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh.

Đặc biệt có 3 doanh nghiệp (3,06%) cho rằng có kế hoạch đóng cửa doanh nghiệp. Cả ba doanh nghiệp trong số đó thuộc lĩnh vực dịch vụ, thương mại; cả ba doanh nghiệp đều là doanh nghiệp tư nhân. Hai trong số 3 doanh nghiệp đó hai năm liền (2005 và 2006) đều thua lỗ, doanh nghiệp còn lại mặc dù thuộc ngành kinh doanh xăng dầu nhưng tỷ lệ lợi nhuận hai năm liền cũng ở mức dưới 2,5% trên tổng vốn đầu tư.

**Hình 4: Doanh nghiệp An Giang dự định như thế nào trong 2 năm tới?**

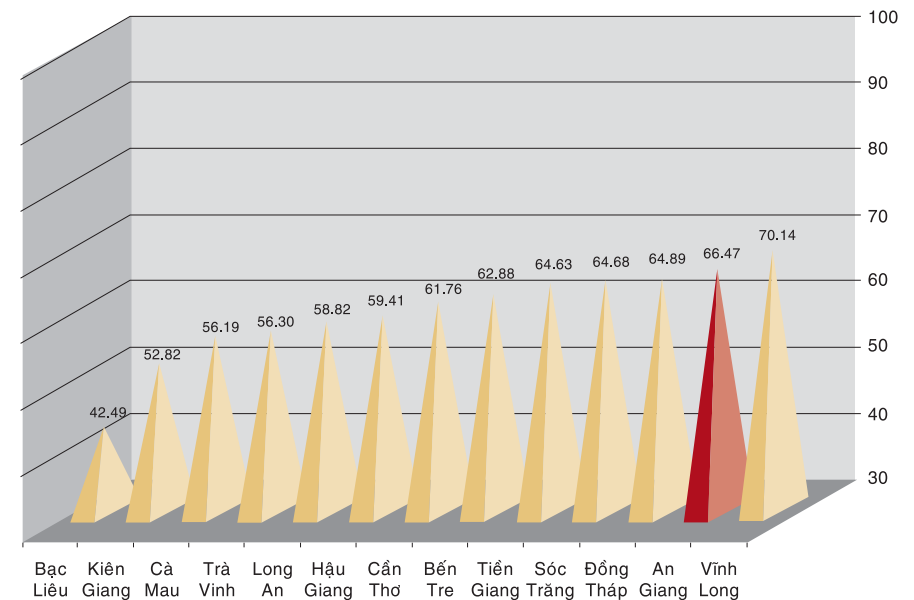


### 3. Kết quả PCI 2007 của tỉnh An Giang

Với kết quả PCI 2007 là 66,47 điểm (điểm tối đa là 100 điểm), An Giang xếp thứ 6 trên 64 tỉnh, thành phố của cả nước, nằm trong nhóm tỉnh Tốt. So với năm 2006 thì kết quả PCI 2007 của An Giang tăng khá ấn tượng. Với điểm số PCI tăng 6,02 điểm từ năm 2006, An Giang vươn lên từ vị trí thứ 9 lên vị trí thứ 6 trên 64 tỉnh, thành phố.

Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long thì An Giang đứng thứ 2 trong chỉ số PCI 2007, chỉ sau Vĩnh Long (đứng thứ 3 cả nước và được 70,14 điểm). Điểm PCI 2007 của An Giang cao hơn mức trung bình của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long là 6,35 điểm.

**Hình 5: PCI 2007 của An Giang và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long**





**1. An Giang và tỉnh trung vị**

So với tỉnh trung vị<sup>6</sup> của cả nước về kết quả PCI 2007 thì An Giang cao hơn ở 7 trên 10 chỉ số thành phần.

Có hai chỉ số thành phần mà tỉnh An Giang được doanh nghiệp đánh giá rất cao, hơn 2 điểm so với tỉnh trung vị. Đó là Tính năng động của lãnh đạo tỉnh, An Giang được 7,71 điểm so với mức bình quân chung của cả nước là 4,95 điểm, hơn 2,76 điểm. Chỉ số tiếp theo là Chính sách Phát triển khu vực kinh tế tư nhân, An Giang được 7,44 điểm so với mức bình quân của cả nước là 4,71 điểm, hơn 2,74 điểm.

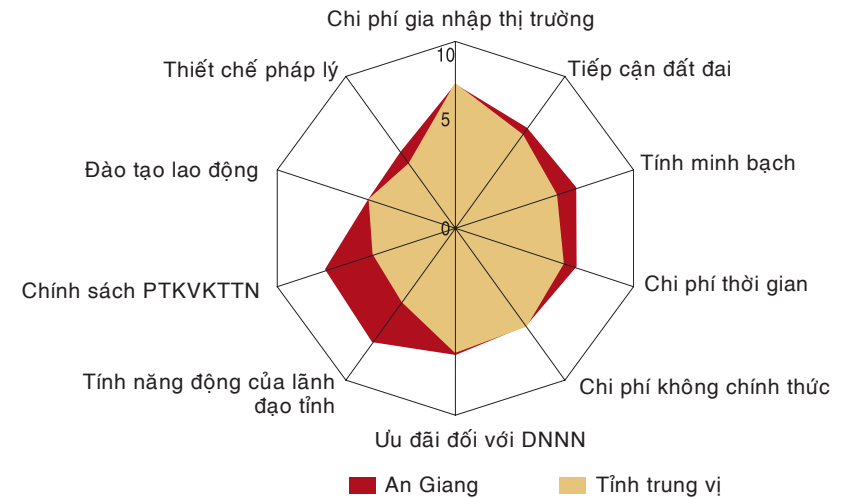
Chỉ số thành phần Tính minh bạch, An Giang được 6,93 điểm so với mức bình quân chung cả nước là 6,84 điểm, hơn 1,09 điểm.

Bốn chỉ số thành phần khác mà An Giang có mức cách biệt so với tỉnh trung vị dưới một điểm, đó là Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý, Chi phí thời gian, Tiếp cận đất đai và Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước. Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý và Chi phí thời gian đều có mức cách biệt so với tỉnh trung vị 0,72 điểm. Chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai, An Giang có mức cách biệt 0,36 điểm. Chỉ số thành phần Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước, An Giang có mức cách biệt 0,21 điểm.

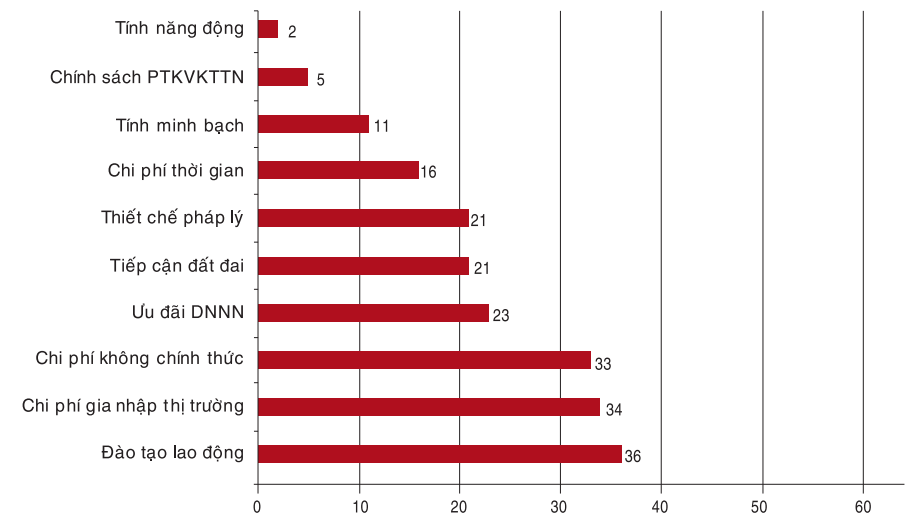
Có ba chỉ số thành phần mà An Giang dù thấp hơn chút ít so với tỉnh trung vị nhưng mức cách biệt không lớn. Chỉ số gia nhập thị trường, An Giang được 7,76 điểm, điểm số dù khá cao nhưng vẫn thấp hơn 0,11 điểm so với mức trung vị là 7,87 điểm. Hai chỉ số thành phần khác là Đào tạo lao động và Chi phí không chính thức có mức cách biệt rất nhỏ so với mức trung vị, lần lượt mức cách biệt là 0,08 và 0,01. (Chi tiết xem Hình 6 và Phụ lục 2)

<sup>6</sup> Trung vị là một khái niệm dùng trong thống kê (từ tiếng Anh là median), là số tách giữa nửa lớn hơn và nửa bé hơn của một mẫu, một quần thể hay một phân bố xác suất. Trong xếp hạng PCI, tỉnh trung vị là tỉnh nằm giữa trong 64 tỉnh, thành của PCI, một tỉnh điển hình, có thể so sánh được theo từng năm.

**Hình 6: So sánh kết quả PCI 2007 của tỉnh An Giang và tỉnh trung vị của cả nước**



**Hình 7. Thứ hạng các chỉ số thành phần PCI 2007 của An Giang trong 64 tỉnh, thành phố**





### 3.2. PCI năm 2006 và 2007 của An Giang

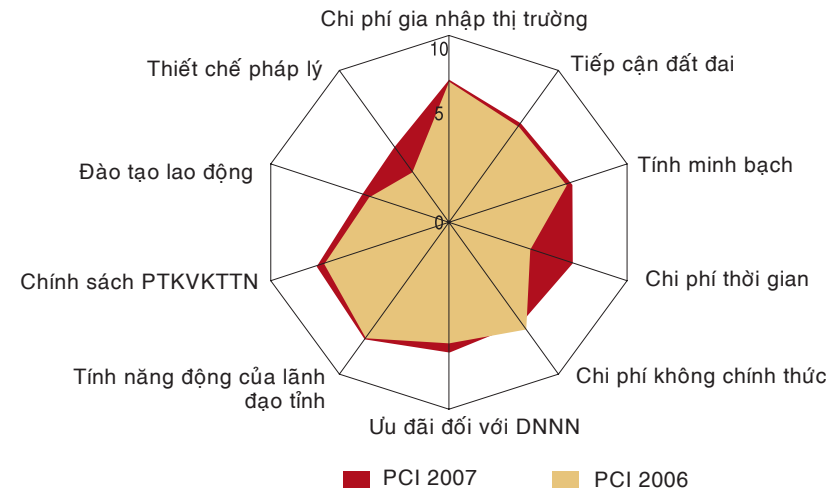
So với năm 2006, kết quả PCI 2007 của tỉnh An Giang có bước chuyển biến rất tích cực. Điểm số PCI tổng hợp đã có trọng số tăng 6,08 điểm, từ mức 60,45 điểm năm 2006 lên 66,47 điểm năm 2007. Có đến 9 trên 10 chỉ số thành phần đều tăng điểm từ năm 2006 lên năm 2007 ngoại trừ chỉ số thành phần Chi phí không chính thức.

Chỉ số thành phần tăng điểm ấn tượng nhất là Chỉ số thành phần Chi phí thời gian, tăng từ 4,57 điểm năm 2006 lên 6,93 điểm năm 2007, tăng 2,36 điểm. Tiếp đến là chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý, tăng từ 3,38 điểm năm 2006 lên 5,05 điểm năm 2007 (tăng 1,67 điểm).

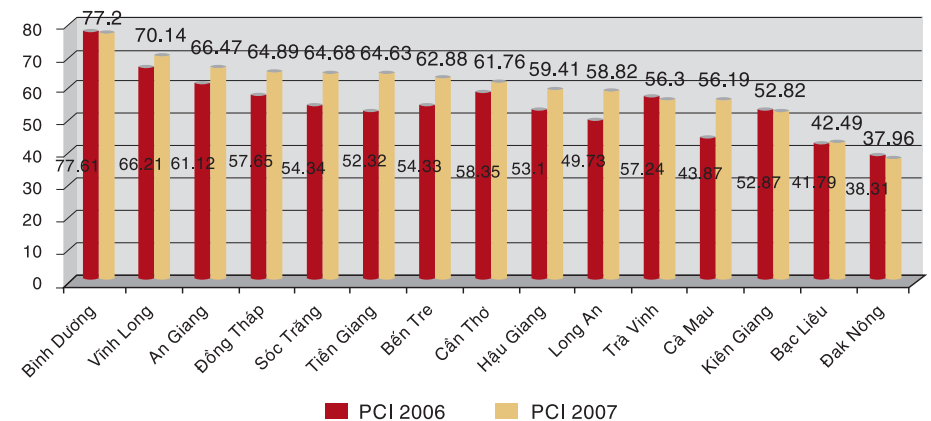
Bảy chỉ số thành phần khác tăng điểm nhưng mức tăng ở dưới một điểm là Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước, Đào tạo lao động, Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân, Tính minh bạch, Tiếp cận đất đai, Chi phí gia nhập thị trường và Tính năng động.

Chỉ số duy nhất bị giảm điểm trong hai năm 2007 và 2006 là Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức, giảm 0,42 điểm từ 7 điểm năm 2006 xuống 6,57 điểm năm 2007 (Chi tiết xem tại Hình 8 và Phụ lục 3).

Hình 8 - Kết quả PCI của An Giang năm 2006 và 2007



Hình 9 - PCI năm 2006 và 2007 của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long





### 3.3. An Giang và các tỉnh dẫn đầu

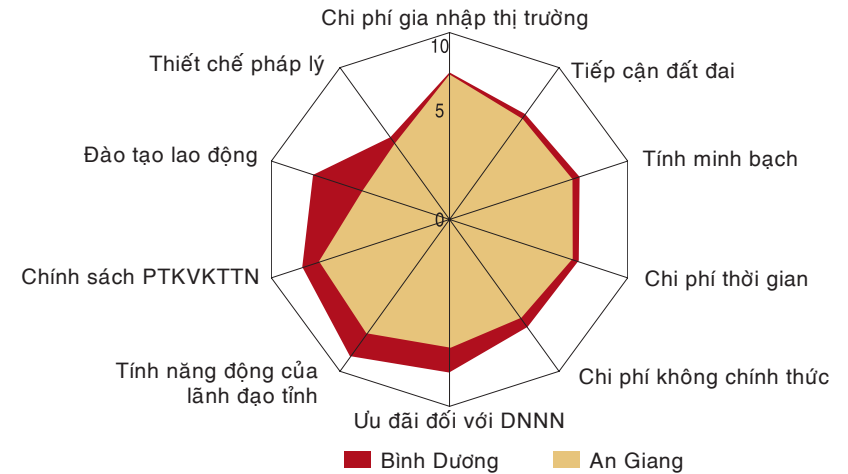
Kết quả PCI 2007, so sánh với Bình Dương, tỉnh đứng đầu về PCI trong ba năm liên tiếp thì An Giang kém 10,73 điểm. Điểm khá đặc biệt là dù điểm số nhiều chỉ số thành phần trong PCI 2007 của An Giang khá cao nhưng không có chỉ số thành phần nào cao hơn so với Bình Dương. Do vậy, như biểu đồ tại Hình 10 thì hai tỉnh có hai đồ thị hình sao gần như đồng dạng.

Một chỉ số thành phần Bình Dương có mức khác biệt gần 3 điểm so với tỉnh An Giang, đó là chỉ số thành phần Đào tạo lao động. Bình Dương được 7,75 điểm so với 4,94 điểm của An Giang.

Hai chỉ số thành phần Bình Dương có mức khác biệt trên 1 điểm số so với An Giang, đó là chỉ số thành phần Tính năng động và Ưu đãi đối với doanh nghiệp Nhà nước. Đối với chỉ số Tính năng động, dù An Giang có điểm số rất cao (được 7,71 điểm, đứng thứ 2 trên cả nước), chỉ sau Bình Dương, nhưng do Bình Dương được 9,2 điểm nên cách biệt là 1,49 điểm. Đối với chỉ số thành phần Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (hay còn gọi là Môi trường bình đẳng cho các doanh nghiệp tư nhân) thì mức cách biệt của Bình Dương và An Giang là 1,35 điểm.

Bảy chỉ số thành phần tiếp theo An Giang có mức cách biệt so với Bình Dương ở mức dưới một điểm số bao gồm chỉ số thành phần Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân (0,94 điểm), Chi phí không chính thức (0,60 điểm), Tính minh bạch (0,52 điểm), Thiết chế pháp lý (0,43 điểm), Chi phí thời gian (0,41 điểm), Tiếp cận đất đai (0,39 điểm) và Chi phí gia nhập thị trường (0,18 điểm).

Hình 10 - PCI 2007 của An Giang và Bình Dương



So với Vĩnh Long, tỉnh có điểm số PCI 2007 cao nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cao thứ 3 cả nước thì Vĩnh Long có 6 chỉ số thành phần cao điểm hơn so với An Giang. Đó là chỉ số thành phần Đào tạo lao động, Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước, Tính minh bạch, Thiết chế pháp lý, Chi phí gia nhập thị trường và Tiếp cận đất đai.

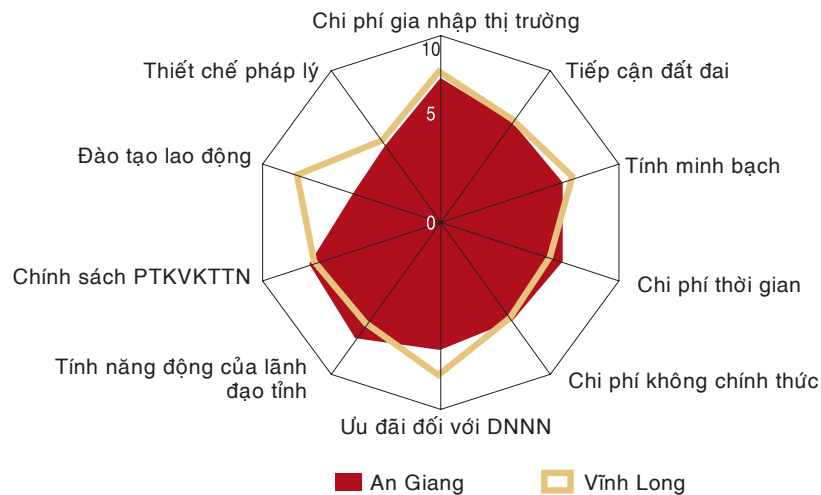
Ngược lại, An Giang cũng có 4 chỉ số thành phần cao điểm hơn so với Vĩnh Long, đó là các chỉ số thành phần Tính năng động, Chi phí thời gian, Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân và Chi phí không chính thức.

Vĩnh Long có sự cách biệt khá lớn so với An Giang ở chỉ số thành phần Đào tạo lao động, mức cách biệt đến 3,11 điểm. Hai chỉ số thành phần cũng có mức cách biệt tương đối lớn, hơn 0,5 điểm đó là Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (1,3 điểm) và Tính minh bạch (0,61 điểm).



Ngược lại An Giang cũng có hai chỉ số thành phần có mức cách biệt tương đối lớn so với Vĩnh Long, đó là chỉ số Tính năng động (cách biệt 0,99 điểm) và chỉ số Chi phí thời gian (cách biệt 0,73 điểm). *Chi tiết xem tại Hình 11 và Phụ lục 1.*

**Hình 11 - PCI 2007 của An Giang và Vĩnh Long**



#### 4. Các chỉ số thành phần cụ thể của An Giang

##### a) Các chỉ số thành cao

Các chỉ số thành phần cao trong PCI 2007 của An Giang bao gồm Tính năng động, Chính sách phát triển kinh tế tư nhân và Tính minh bạch.

##### 1. Tính năng động của lãnh đạo tỉnh

Đây là chỉ số thành phần cao của An Giang, được 7,71 điểm trên 10, đứng thứ 2 trên 64 tỉnh, thành phố, chỉ sau tỉnh Bình Dương. Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang PCI 2007	Thứ hạng	Tỉnh tốt nhất
1	UBND tỉnh rất linh động trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý).	80,49%	10/64	Bình Dương (92,47%)
2	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới nảy sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý).	77,50%	3/64	Bình Dương (87,9%)
3	Có những sáng kiến tốt ở cấp tỉnh, nhưng các đạo luật và quy định của Trung ương đã cản trở chúng (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý).	47,95%	4/64	Thành phố Hồ Chí Minh (56,63%)
4	Không có sáng kiến gì từ cấp tỉnh, tất cả các chính sách đều từ Trung ương (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý).	20,55%	8/64	Bình Dương (12,20%)

##### 2. Chính sách phát triển kinh tế tư nhân

Chỉ số Chính sách phát triển kinh tế tư nhân của An Giang nằm trong nhóm chỉ số thành phần cao năm 2007, với điểm số 7,44/10, xếp hạng 5 trên 64 tỉnh, thành phố (sau lần lượt các tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương, Bình Định). Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm:



Stt	Các chỉ tiêu	An Giang PCI 2007	Thứ hạng	Tỉnh tốt nhất
1	Thông tin kinh doanh (về các thị trường tiềm năng) do cơ quan tỉnh cung cấp (% Rất tốt hoặc Tốt)	57,14%	10/64	Đà Nẵng (69,73%)
2	Hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (% Rất tốt hoặc Tốt)	50,00%	4/64	Bình Dương (62,96%)
3	Xúc tiến thương mại và triển lãm thương mại (% Rất tốt hoặc Tốt)	72,73%	9/64	TP.HCM (79,55%)
4	Phát triển khu/cụm công nghiệp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (% Rất tốt hoặc Tốt)	42,11%	42/64	Bình Định (83,48%)
5	Công nghệ và các dịch vụ liên quan đến công nghệ (% Rất tốt hoặc Tốt)	68,83%	5/64	TP. HCM (79,55%)
6	Số lượng hội chợ và triển lãm thương mại do tỉnh tổ chức trong năm 2006 và kế hoạch năm 2007 <sup>7</sup>	8	3/64	Hà Nội (12)

### 3. Tính minh bạch

Đây cũng là chỉ số thành phần có điểm tương đối cao của An Giang trong PCI 2007, đạt 6,93 trên 10 điểm, thứ hạng 11 trên 64 tỉnh, thành phố (sau lần lượt các tỉnh Lào Cai, Bình Định, Vĩnh Long, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Hưng Yên, Vĩnh Phúc). Một số chỉ tiêu cụ thể đáng lưu ý bao gồm:

<sup>7</sup> Nguồn: Cục Xúc tiến thương mại, Bộ Công Thương

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang PCI 2007	Thứ hạng	Tỉnh tốt nhất
1	% doanh nghiệp cho rằng để có được các thông tin văn bản pháp luật, tài liệu kế hoạch, cần phải có các “mối quan hệ” (Rất cần thiết hoặc cần thiết)	53,85%	23/64	Đà Nẵng (38,4%)
2	% doanh nghiệp cho rằng vai trò của gia đình và bạn bè quan trọng trong thương lượng với cán bộ Nhà nước (Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	57,14%	46/64	Lào Cai (38,7%)
3	% doanh nghiệp cho rằng thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế là công việc quan trọng trong kinh doanh (Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	56,74%	55/64	Bình Dương (24,18%)
4	% doanh nghiệp cho rằng có thể đoán trước được việc thực hiện chính sách và pháp luật về kinh tế và tài chính của tỉnh (Luôn luôn hoặc Thường xuyên)	4,21%	55/64	Lào Cai (18,28%)
5	Đại diện của UBND hay các Sở, ngành của tỉnh thường xuyên gặp doanh nghiệp để thảo luận về các thay đổi pháp luật và chính sách (Luôn luôn hoặc Thường xuyên)	16,84%	2/64	Lai Châu (21,6%)
6	% doanh nghiệp đánh giá về chất lượng tư vấn về thông tin pháp luật của tỉnh tốt (Rất tốt hoặc Tốt)	48,19%	33/64	Vĩnh Long (72,84%)
7	Chỉ số website của tỉnh <sup>8</sup> (www.angiang.gov.vn)	18/20 điểm	9/64	20/20 (thành phố Hồ Chí Minh)

<sup>8</sup> Nhóm nghiên cứu PCI xây dựng một thang điểm riêng (20 điểm) để đánh giá các website của các tỉnh (www.tên tỉnh.gov.vn). Tiêu chí đánh giá từ mức độ sẵn có của thông tin dành cho các doanh nghiệp cho đến mức độ được truy cập thường xuyên của website.



**b) Các chỉ số thành phần khá**

Có bốn chỉ số thành phần được xếp vào nhóm các chỉ số thành phần khá của An Giang trong PCI 2007, bao gồm Chi phí thời gian, Thiết chế pháp lý, Tiếp cận đất đai, Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước.

**4. Chi phí thời gian**

Chi phí thời gian là chỉ số thành phần khá trong PCI 2007 của An Giang. Với điểm số là 6,93 điểm trên 10, An Giang xếp hạng 16 trên 64 tỉnh, thành phố của cả nước. Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang PCI 2007	Thứ hạng	Tỉnh tốt nhất
1	% doanh nghiệp mất hơn 10% thời gian trong năm tiếp xúc với các cán bộ Nhà nước nhằm hiểu rõ và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.	26,44%	48/64	Bình Phước (10,94%)
2	% doanh nghiệp cho rằng tổng số thời gian mà ban lãnh đạo doanh nghiệp bỏ ra để giải quyết các vấn đề liên quan đến quy định của Nhà nước giảm trong khoảng 2 năm gần đây.	23,23%	28/64	Bình Định (35,04%)
3	Số lần thanh tra của tất cả các cơ quan trong năm 2006 mỗi doanh nghiệp (giá trị trung vị)	1 lần	1-47/64	An Giang và 46 tỉnh khác.
4	% doanh nghiệp cho rằng số lần thanh tra và kiểm tra năm 2006 giảm so với giai đoạn trước đây	29,29%	11/64	Sóc Trăng (36,9%)
5	Số giờ thanh tra thuế trung vị	3,5 giờ	10/64	Bạc Liêu (2 giờ)

**5. Thiết chế pháp lý**

Thiết chế pháp lý là chỉ số thành phần khá của An Giang trong PCI 2007, An Giang được 5,05 điểm trên 10, xếp hạng 21/64 tỉnh, thành phố. Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang PCI 2007	Thứ hạng	Tỉnh tốt nhất
1	Hệ thống pháp lý, hành chính có cơ chế thuận lợi để doanh nghiệp khởi kiện các hành vi phiền hà, tham nhũng của cán bộ Nhà nước (Luôn luôn hoặc Trong phần lớn các trường hợp)	43,21%	9/64	Trà Vinh (52,31%)
2	% doanh nghiệp tin rằng hệ thống pháp luật, tư pháp của tỉnh sẽ bảo vệ hợp đồng và các quyền tài sản trong các tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh	89,47%	5/64	Bến Tre (94,19%)
3	% doanh nghiệp lựa chọn Tòa án tỉnh là một trong ba cách thức đầu tiên giải quyết tranh chấp của mình.	48,28% (trên 300%)	53/64	Long An (138,89%/300%)
4	Số vụ tranh chấp xét xử tại Tòa án kinh tế cấp tỉnh (bên nguyên là doanh nghiệp dân doanh) bình quân trên 100 doanh nghiệp đang hoạt động của năm 2006	1,46	13/64	Bắc Kạn (8,12)
5	Tỷ lệ số vụ tranh chấp (bên nguyên là doanh nghiệp dân doanh) so với tổng số vụ tranh chấp xét xử tại Tòa án kinh tế cấp tỉnh	39,53%	38/64	Nghệ An, Phú Yên (100%)



6. Tiếp cận đất đai

Đây là một trong bốn chỉ số thành phần khá của An Giang trong PCI 2007 với 6,63 điểm trên 10, xếp hạng 21 trên 64 tỉnh, thành phố. Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang PCI 2007	Thứ hạng	Tỉnh tốt nhất
1	% doanh nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	82,76%	13/64	Sóc Trăng (92,45%)
2	% doanh nghiệp cho rằng sẽ mở rộng quy mô nếu có được mặt bằng kinh doanh dễ dàng hơn	58,59%	8/64	Bạc Liêu (47%)
3	% doanh nghiệp thuê lại đất từ doanh nghiệp nhà nước	6,67%	12/64	Hậu Giang... (0%)
4	% doanh nghiệp đánh giá việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang phát triển sản xuất kinh doanh tốt (Tốt hoặc Rất tốt)	50,00%	39/64	Bình Dương (81,25%)
5	% diện tích đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	69,81%	27/64	Hà Nam (97,46%)
6	Mức độ rủi ro (như bị thu hồi) của mặt bằng kinh doanh (1 - Rất cao đến 5 - Rất thấp)	3,58	50/64	Cà Mau (4,26)
7	Doanh nghiệp tin rằng doanh nghiệp sẽ nhận được bồi thường thỏa đáng cho mảnh đất nếu bị thu hồi (Luôn luôn và Nhiều khả năng)	41,25%	30/64	Kon Tum (57,14%)
8	Mức độ rủi ro trong thay đổi các điều kiện thuê đất (1 - Rất cao đến 5 - Rất thấp)	3,23	20/64	Đắk Lắk (3,59)
9	Doanh nghiệp tin rằng sẽ được giải quyết tranh chấp về hợp đồng thuê công bằng (Luôn luôn hoặc Thường xuyên)	35%	46/64	Lào Cai (60,71%)

7. Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (Môi trường cạnh tranh bình đẳng)

Trong PCI 2007, An Giang đạt 6,94 điểm trên 10 đối với chỉ số Ưu đãi đối với doanh nghiệp Nhà nước, đứng thứ 23 trên 64 tỉnh, thành phố. Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang PCI 2007	Thứ hạng	Tỉnh tốt nhất
1	% doanh nghiệp cho rằng sự ưu đãi cho khu vực kinh tế nhà nước là cản trở đối với công việc kinh doanh của mình (Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	37,84%	20/64	Lào Cai (27,38%)
2	% doanh nghiệp đánh giá thái độ của chính quyền tỉnh đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân là tích cực (Tích cực hoặc Khá tích cực)	48,42%	25/64	Lào Cai (67,37%)
3	% doanh nghiệp đánh giá thái độ của chính quyền tỉnh đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân đang được cải thiện	64,13%	29/64	Bình Định (80,92%)
4	% doanh nghiệp cho rằng sự quan tâm của tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp dân doanh cho địa phương: như số lao động sử dụng, số thuế nộp cho Nhà nước... (Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	30,23%	53/64	Kon Tum (50,75%)
5	% doanh nghiệp cho rằng sự ưu đãi cho các công ty cổ phần hoá là cản trở đối với công việc kinh doanh của mình (Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	23,29%	9/64	Phú Yên (12,70%)



6	% doanh nghiệp đánh giá việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước địa phương tốt (Tốt hoặc Rất tốt)	54,29%	48/64	Bình Dương (87,67%)
7	% thay đổi về số lượng doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý so với năm 2000	-0,34	25/64	Hà Nam (-0,71)
8	Tỷ trọng nợ của DNNN của tỉnh trên tổng số nợ của các doanh nghiệp của tỉnh/ Tỷ trọng doanh thu của DNNN của tỉnh trên tổng doanh thu của các doanh nghiệp của tỉnh.	1,07	19/64	Lai Châu (0,40)

**c) Các chỉ số thành phần trung bình**

Có ba chỉ số thành phần của An Giang xếp hạng ở mức trung bình trong PCI 2007 bao gồm Chi phí không chính thức, Chi phí gia nhập thị trường và Đào tạo lao động.

**8. Chi phí không chính thức**

Đây là chỉ số thành phần trung bình của An Giang trong PCI 2007 với mức 6,57 điểm trên 10, xếp hạng 33 trên 64 tỉnh, thành phố. Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang PCI 2007	Thứ hạng	Tỉnh tốt nhất
1	% doanh nghiệp cho rằng việc trả các khoản chi phí không chính thức gây khó khăn cho doanh nghiệp (Rất khó khăn hoặc Tương đối khó khăn)	32,88%	53/64	Hà Tây (13,95%)
2	% doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Các doanh nghiệp trong ngành của tôi thường phải trả thêm	66,29%	43/64	Bến Tre (40%)

	các khoản chi phí không chính thức” (Hoàn toàn đồng ý hoặc Đồng ý)			
3	% doanh nghiệp trả trên 10% trong tổng thu nhập phải bỏ ra hàng năm để chi các khoản không chính thức cho cán bộ Nhà nước	12,94%	56/64	Tiền Giang (1,39%)
4	% doanh nghiệp cho rằng một số cán bộ cấp tỉnh sử dụng các quy định riêng của địa phương với mục đích trục lợi (Hoàn toàn đồng ý hoặc Đồng ý)	28,40%	8/64	Bến Tre (17,44%)
5	% doanh nghiệp cho rằng nếu đã chi khoản chi không chính thức như yêu cầu, công việc được giải quyết đúng như mong muốn (Luôn luôn hoặc Trong hầu hết các trường hợp)	44,58%	42/64	Hà Nội (59,8%)

**9. Chi phí gia nhập thị trường**

Chi phí gia nhập thị trường là một chỉ số thành phần của An Giang đạt 7,76 điểm trên 10, đây là điểm số dù không thấp nhưng do điểm số của hầu hết các tỉnh thành khác cao nên An Giang chỉ đứng ở thứ 34 trên 64 tỉnh, thành phố của cả nước. Các chỉ tiêu cụ thể bao gồm:



Stt	Các chỉ tiêu	An Giang PCI 2007	Thứ hạng	Tỉnh tốt nhất
1	% doanh nghiệp phải mất hơn một (1) tháng để nhận được tất cả các giấy đăng ký, giấy phép và quyết định chấp thuận cần thiết để chính thức hoạt động	24,24%	27/64	Bình Định (5,13%)
2	% doanh nghiệp phải mất hơn ba (3) tháng để nhận được tất cả các giấy đăng ký, giấy phép và quyết định chấp thuận cần thiết để chính thức hoạt động	9,09%	43/64	Quảng Trị, Bến Tre, Đồng Nai (0%)
3	% doanh nghiệp gặp khó khăn để có đủ các giấy phép cần thiết	17,14%	49/64	Tiền Giang, (0%)
4	Thời gian đăng ký kinh doanh (số ngày trung vị)	10 ngày	12/64	Bình Định (7 ngày)
5	Thời gian đăng ký kinh doanh lại (số ngày trung vị)	7 ngày	9/64	Bình Định (3 ngày)
6	Số lượng các loại giấy phép: các loại giấy đăng ký, giấy chấp thuận, quyết định cho phép, tem và các loại giấy tương tự như giấy phép... (giá trị trung vị)	3 giấy phép	35/64	Hải Phòng và một số tỉnh khác (1 giấy phép)
6	Thời gian chờ đợi thực sự để có được mặt bằng kinh doanh (số ngày trung vị)	75 ngày	17/64	Đồng Tháp (45 ngày)

### 10. Đào tạo lao động

Đào tạo lao động là một chỉ số thành phần xếp hạng thấp nhất của An Giang trong PCI 2007, được 4,94 điểm trên 10, xếp hạng 36 trên 64 tỉnh thành phố. Một số chỉ tiêu cụ thể như:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang PCI 2007	Thứ hạng	Tỉnh tốt nhất
1	% doanh nghiệp đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo tốt (Tốt hoặc Rất tốt)	78,21%	19/64	Vĩnh Long (87,34%)
2	% doanh nghiệp đánh giá chất lượng đào tạo nghề cho người lao động tốt (Tốt hoặc Rất tốt)	58,75%	26/64	Vĩnh Phúc (79,5%)
3	% doanh nghiệp đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ tuyển dụng và môi giới lao động tốt (Tốt hoặc Rất tốt)	61,33%	16/64	Bình Dương (78,05%)
4	Số lượng trường dạy nghề do địa phương quản lý trên 10.000 dân	0,32	60/64	Đà Nẵng (2,19)
5	Số lượng trung tâm giới thiệu việc làm trên 10.000 dân	0,00	54/64	Yên Bái (0,68)

### 5. Các doanh nghiệp tại An Giang đang gặp những khó khăn gì?

Trong điều tra PCI 2007, nhóm nghiên cứu thiết kế riêng các câu hỏi để khảo sát về các doanh nghiệp đang gặp phải những khó khăn gì, trong đó khó khăn gì được các doanh nghiệp xem là lớn nhất. Các doanh nghiệp đã có những phản hồi tích cực với rất nhiều thông tin phong phú.

Nhìn chung, cũng giống như cả nước, các vấn đề mà các doanh nghiệp dân doanh tại An Giang đang gặp phải chủ yếu là thiếu vốn (29 doanh nghiệp qua điều tra cho là khó khăn lớn nhất), khó khăn trong tiếp cận mặt bằng kinh doanh hay các vấn đề về đất đai khó khăn (8 doanh nghiệp), thiếu hụt về nhân lực (11 doanh nghiệp), cơ



sở hạ tầng còn nhiều yếu kém (16 doanh nghiệp), thủ hành chính phiền hà (23 doanh nghiệp), môi trường kinh doanh còn kém minh bạch (6 doanh nghiệp), các vấn đề về thuế (16 doanh nghiệp)...

### 5.1. Khó khăn về vốn

Có 29 doanh nghiệp (trong số 99 doanh nghiệp) qua điều tra cho biết một trong những khó khăn lớn nhất hiện nay liên quan đến vốn. Các khó khăn cụ thể đó là các doanh nghiệp nhỏ và vừa rất khó để tiếp cận vốn vay ngân hàng, ngân hàng cho vay quá thấp so với tài sản thế chấp, thiếu nguồn vốn trung và dài hạn để thay đổi công nghệ, thủ tục vay vốn ngân hàng được các doanh nghiệp đánh giá rất khó khăn, vào mùa vụ không đủ vốn mua sản phẩm của nông dân, vay vốn ngân hàng rất khó khăn mặc dù doanh nghiệp có tài sản thế chấp...

Kết quả điều tra năm 2007 cho thấy 66,67% doanh nghiệp An Giang hiện đang có khoản vay từ các ngân hàng thương mại quốc doanh hoặc ngân hàng thương mại cổ phần. Thời hạn của khoản vay chủ yếu là ngắn hoặc trung hạn. Số doanh nghiệp vay từ 12 tháng trở xuống chiếm đến 78,56% tổng các doanh nghiệp đi vay, kỳ hạn vay 3 năm có 8,93% và trên 3 năm có 12,5% doanh nghiệp.

Kết quả điều tra cũng cho thấy, tuyệt đại đa số doanh nghiệp (đến 95,24%,) phải sử dụng tài sản thế chấp cho các khoản vay thương mại của mình, trong đó 88,89% doanh nghiệp thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chỉ có 4,76% doanh nghiệp có được khoản vay mà không cần phải sử dụng tài sản thế chấp.

Đối với các doanh nghiệp dân doanh, việc có được tài sản thế chấp để vay vốn rất quan trọng. Qua điều tra, có đến 85,39% doanh

ngiệp đồng ý với nhận định "doanh nghiệp không thể vay vốn nếu không có tài sản thế chấp". Đây thực sự là khó khăn lớn đối với 17,24% doanh nghiệp qua điều tra hiện chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sự bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trong tiếp cận vốn là một khó khăn khác. 75,90% doanh nghiệp qua điều tra cho rằng "lãi suất và các điều kiện cho vay đối với doanh nghiệp tư nhân luôn khó khăn hơn so với doanh nghiệp nhà nước".

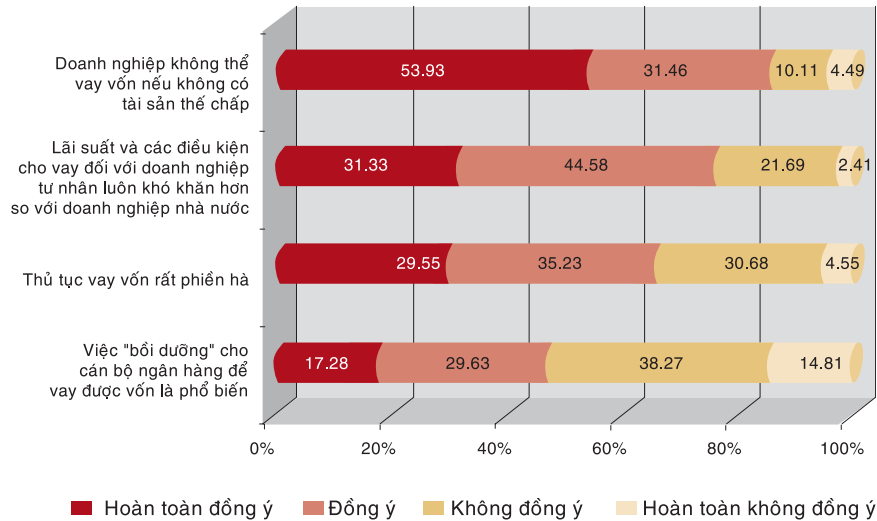
Theo đánh giá của các doanh nghiệp dân doanh thì thủ tục vay vốn hiện nay cũng chưa thực sự thuận lợi. 64,77% số doanh nghiệp dân doanh qua điều tra đánh giá rằng "thủ tục vay vốn rất phiền hà". Thủ tục khó khăn cũng dẫn đến những tiêu cực trong việc tiếp cận vốn của các doanh nghiệp. Qua điều tra, có đến 46,91% doanh nghiệp cho rằng việc "bồi dưỡng" cho cán bộ ngân hàng để vay được vốn là phổ biến (xem hình 12)

**Bảng 4: Tỷ lệ lãi suất của khoản vay bình quân hàng năm mà doanh nghiệp tại An Giang vay được**

Mức lãi suất	Số doanh nghiệp (tỷ lệ %)
Dưới 7%/năm	13,33
Từ 7- dưới 9%/năm	13,33
Từ 9 - dưới 11%/năm	13,33
Từ 11 - dưới 13%/năm	36,67
Từ 13 - dưới 15%/năm	16,67
Từ 15% trở lên/năm	6,67
<b>Tổng số</b>	<b>100</b>



**Hình 12: Đánh giá về việc vay vốn của doanh nghiệp dân doanh tại An Giang**



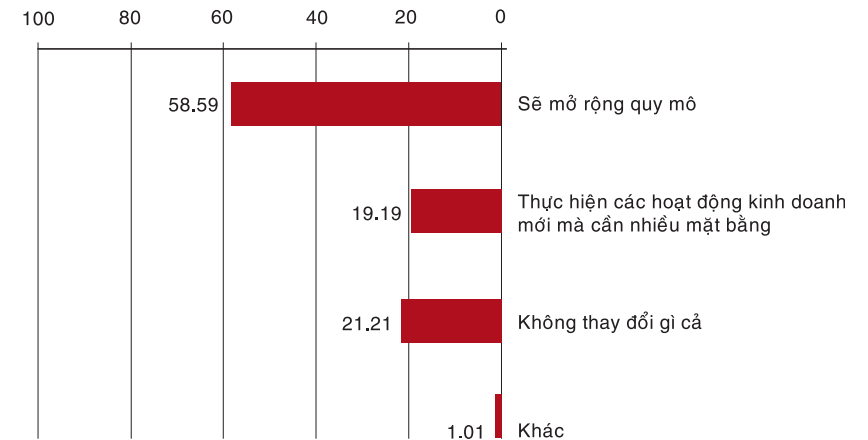
**5.2. Khó khăn trong tiếp cận và sử dụng mặt bằng kinh doanh**

Nhu cầu tiếp cận được mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện vẫn lớn. 8 doanh nghiệp qua điều tra cho biết các vấn đề liên quan mặt bằng kinh doanh đang là cản trở lớn nhất trong hoạt động kinh doanh. Các khó khăn mà các doanh nghiệp nêu ra là thiếu quỹ đất để mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận đất rất khó khăn, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa thuận lợi, các doanh nghiệp chưa yên tâm trong sử dụng đất do những phức tạp về nguồn gốc đất mà chính quyền chưa giải quyết dứt điểm...

58,59% doanh nghiệp qua điều tra của An Giang cho biết rằng sẽ mở rộng hoạt động kinh doanh của mình nếu dễ dàng tiếp cận đất đai

hơn, 19,19% doanh nghiệp cho biết nếu có mặt bằng kinh doanh thuận lợi hơn sẽ thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà cần nhiều mặt bằng.

**Hình 13: Công việc kinh doanh của doanh nghiệp sẽ thay đổi như thế nào nếu có mặt bằng kinh doanh dễ dàng hơn?**

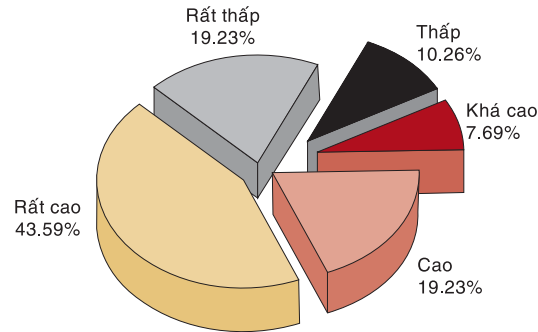


Qua điều tra, bình quân các doanh nghiệp An Giang phải mất 82,61 ngày kể từ ngày nộp đơn xin cấp cho đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là mức thấp hơn so với mức bình quân chung của cả nước là 131,58 ngày

Các doanh nghiệp vẫn chưa thật yên tâm về tính ổn định trong sử dụng mặt bằng kinh doanh. Có 29,49% doanh nghiệp An Giang đánh giá tính ổn định của mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp là thấp hoặc rất thấp, 19,23% doanh nghiệp đánh giá tính ổn định rất thấp. Chính tâm lý chưa yên tâm về tính ổn định trong sử dụng mặt bằng đã cản trở phần nào đến xu hướng đầu tư lớn và lâu dài của các doanh nghiệp.



**Hình 14: Hãy đánh giá về mức độ rủi ro của mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp bạn?**



Một trong những lý do khiến nhiều doanh nghiệp đánh giá thấp về tính ổn định của mặt bằng kinh doanh là quy hoạch sử dụng đất chưa rõ ràng và minh bạch. Trong trường hợp nếu đất bị thu hồi thì lo ngại chủ yếu là không được bồi thường thỏa đáng. Qua điều tra, có đến 22,50% số doanh nghiệp nhận định rằng không bao giờ hay hiếm khi nhận được bồi thường thỏa đáng cho mảnh đất nếu bị thu hồi. 36,25% số doanh nghiệp không chắc chắn về khả năng được bồi thường thỏa đáng.

Đối với các doanh nghiệp đi thuê đất, rủi ro lớn vẫn là việc thay đổi các điều kiện cho thuê làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Qua điều tra, có đến 34,62% doanh nghiệp đánh giá rằng mức độ rủi ro trong thay đổi các điều kiện cho thuê đất là cao hoặc rất cao. 15,38% đánh giá là khá cao. 26,92% doanh nghiệp đánh giá mức độ rủi ro trong thay đổi điều kiện cho thuê đất là thấp và 23,08% đánh giá rất thấp.

### 5.3. Nguồn nhân lực

Có 11 doanh nghiệp tại An Giang qua điều tra cho biết một trong những khó khăn lớn nhất của mình liên quan đến nguồn nhân lực. Các vấn đề về nhân lực chủ yếu là thiếu lao động có tay nghề, khó tuyển dụng lao động, nguồn nhân lực hạn chế, cán bộ kỹ thuật chuyên môn lành nghề khan hiếm, thiếu lực lượng lao động có tay nghề và ý thức kỷ luật cao, chưa có tổ chức đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động, chi phí đào tạo các khóa cần thiết cho nhân viên hiện quá cao...

Như được đề cập trong chỉ số thành phần về Đào tạo lao động, chất lượng của dịch vụ đào tạo nghề cho người lao động và các dịch vụ hỗ trợ hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Chỉ có 58,75% doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ đào tạo nghề cho người lao động; 61,33% hài lòng với dịch vụ hỗ trợ tuyển dụng và môi giới lao động. Những con số này đều thấp hơn so với mức độ hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng giáo dục đào tạo phổ thông nói chung (78,21%).

**Bảng 5: Đánh giá của các doanh nghiệp dân doanh về chất lượng nhân lực tại An Giang**

(Theo bảng câu hỏi điều tra, thang đánh giá này có 6 mức từ Rất tốt đến Rất kém. Bảng này chỉ thể hiện 4 mức là Rất tốt, Tốt, Kém và Rất kém)

Chất lượng nhân lực	Rất tốt	Tốt	Kém	Rất kém
Chất lượng giáo dục, đào tạo	37,18%	41,03%	2,56%	5,13%
Đào tạo nghề cho người lao động	27,50%	31,25%	10,00%	7,50%
Hỗ trợ tuyển dụng và môi giới lao động	26,67%	34,67%	9,33%	5,33%



#### 5.4. Cơ sở hạ tầng

Trả lời điều tra, có 16 doanh nghiệp An Giang cho rằng yếu kém về cơ sở hạ tầng là một trong những khó khăn lớn nhất hiện nay. Đó là những trở ngại về hạ tầng như giao thông không thuận lợi, hệ thống đường nông thôn yếu kém ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng hóa của doanh nghiệp, những hạn chế về cầu phà, bến cảng phục vụ cho việc kiểm tra và xuất khẩu hàng hóa. Nhiều doanh nghiệp đánh giá hệ thống điện chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, chưa ổn định và đặc biệt một số doanh nghiệp bị thiệt hại do điện cắt thường xuyên. Ngoài ra còn có những trở ngại từ hệ thống viễn thông (như chưa kết nối được internet ở một số vùng), hạn chế do chưa có khu công nghiệp, cụm công nghiệp cho doanh nghiệp sản xuất...

Kết quả điều tra cho thấy chỉ có 63,64% doanh nghiệp hài lòng về chất lượng đường giao thông (12,50% đánh giá tiêu cực); 80,68% hài lòng về chất lượng điện thoại (14,77% đánh giá tiêu cực); 58,54% hài lòng về chính sách phát triển cơ sở hạ tầng của địa phương (12,20% đánh giá tiêu cực) và chỉ có 42,11% hài lòng về chính sách phát triển khu/cụm công nghiệp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (14,47% đánh giá tiêu cực).

#### **Bảng 6: Đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ hạ tầng của An Giang**

(Theo bảng câu hỏi điều tra, thang đánh giá này có 6 mức từ Rất tốt đến Rất kém. Bảng này chỉ thể hiện 4 mức là Rất tốt, Tốt, Kém và Rất kém)

Dịch vụ hạ tầng	Rất tốt	Tốt	Kém	Rất kém
Chất lượng đường giao thông	21,59%	42,05%	3,41%	9,09%
Điện thoại	59,09%	21,59%	1,14%	13,64%
Phát triển cơ sở hạ tầng	24,39%	34,15%	10,98%	1,22%
Phát triển khu/cụm công nghiệp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	15,79%	26,32%	13,16%	1,32%

#### 5.5. Thủ tục hành chính còn nhiều phiền hà

23 doanh nghiệp trong số các doanh nghiệp trả lời điều tra của An Giang cho biết các khó khăn lớn nhất trong hoạt động kinh doanh của mình liên quan đến các vấn đề về thủ tục hành chính. Rất nhiều khó khăn được các doanh nghiệp nêu ra như các thủ tục thành chính (như thủ tục xây dựng) quá rườm rà và qua nhiều cơ bản, thủ tục hành chính rườm rà và công kênh, nhiều giấy phép con, hàng tháng phải báo cáo quá nhiều cơ quan, sự nhùng nhịu của một số công chức, việc ứng dụng công nghệ và kết nối thông tin tại các sở ban ngành của tỉnh kém...

Trả lời điều tra của VCCI, 26,44% doanh nghiệp cho biết lãnh đạo doanh nghiệp phải dành trên 10% thời gian trong năm tiếp xúc với cán bộ Nhà nước để hiểu rõ và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

Điều tra cho thấy việc các doanh nghiệp phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức khá lớn. Đến 66,29% doanh nghiệp An Giang đồng ý với nhận định "Các doanh nghiệp trong ngành của tôi thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức". 12,94% doanh nghiệp cho biết các khoản chi phí không chính thức này chiếm trên 10% tổng thu nhập của doanh nghiệp. 37,18% doanh nghiệp cho rằng các doanh nghiệp khác cùng ngành nghề kinh doanh phải trả tiền "hoa hồng" để có được hợp đồng từ các cơ quan Nhà nước.

#### 5.6. Tính minh bạch của môi trường kinh doanh còn nhiều hạn chế

Theo đánh giá của các doanh nghiệp dân doanh, mức độ minh bạch của môi trường kinh doanh của An Giang hiện vẫn có nhiều hạn chế.



6 doanh nghiệp cho biết khó khăn trong tiếp cận các thông tin cần thiết, trong đó có thông tin về chính sách, pháp luật của tỉnh và Trung ương, thông tin về thị trường, công nghệ đang là cản trở lớn nhất đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp cho biết việc tiếp cận các thông tin tài liệu của tỉnh còn chậm và khó khăn.

Điển hình như việc các doanh nghiệp hiện đang gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu cần thiết. 34,18% doanh nghiệp An Giang trả lời cho biết khó khăn trong việc có được kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn (10 năm và 5 năm) hay 32,05% đánh giá là khó khăn nếu muốn có được kế hoạch hàng năm của tỉnh.

Một số thông tin chưa được công khai, rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp dân doanh tại An Giang. Đối với các kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng mới 37,66% doanh nghiệp cho rằng không thể hay khó trong việc tiếp cận. 55,84% doanh nghiệp cho rằng khó hay không thể tiếp cận các kế hoạch đầu tư của Trung ương.

Ngay cả những văn bản quy phạm pháp luật phổ biến của Trung ương như luật, pháp lệnh, nghị định... thì vẫn có đến 32,05% doanh nghiệp dân doanh đánh giá là khó khăn hay không thể tiếp cận. 60,26% doanh nghiệp đánh giá khó hay không thể tiếp cận các bản đồ và quy hoạch sử dụng đất, 41,46% có nhận định tương tự với các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh. Đánh giá có vẻ khả quan nhất là các thay đổi của các quy định về thuế khi chỉ có 16,87% doanh nghiệp qua điều tra đánh giá là không thể tiếp cận.

**Bảng 7: Khả năng tiếp cận các thông tin, tài liệu của doanh nghiệp An Giang**

(% số doanh nghiệp trả lời)

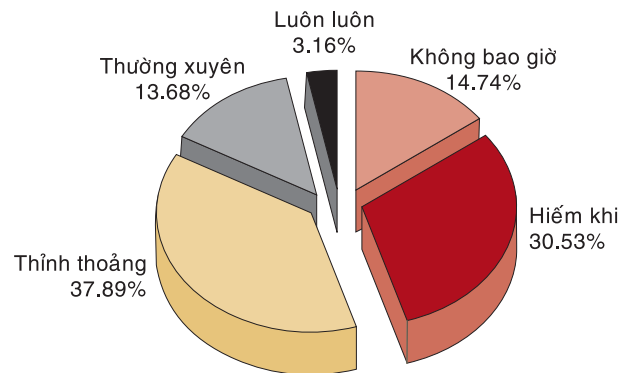
Stt	Loại tài liệu	Rất dễ	Tương đối dễ	Có thể	Có thể, nhưng khó	Không thể
1	Ngân sách của tỉnh	2,47	11,11	32,10	24,69	29,63
2	Kế hoạch phát triển KT-XH 10 năm và 5 năm của tỉnh	6,33	18,99	40,51	22,78	11,39
3	Kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm của tỉnh	7,69	23,08	37,18	20,51	11,54
4	Chương trình hành động phát triển khu vực tư nhân của tỉnh	2,53	16,46	44,30	22,78	13,92
5	Các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định của Trung ương	11,54	23,08	33,33	21,79	10,26
6	Các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành	6,33	31,65	29,11	22,78	10,13
7	Các quyết định và chỉ thị của UBND tỉnh	15,00	20,00	30,00	21,25	13,75
8	Các kế hoạch về các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng mới	2,60	10,39	49,35	19,48	18,18
9	Các kế hoạch đầu tư của Trung ương	3,90	2,60	37,66	27,27	28,57
10	Các bản đồ và các quy hoạch sử dụng đất	1,28	6,41	32,05	37,18	23,08
11	Các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh	6,10	15,85	36,59	23,17	18,29
12	Các đơn xin đăng ký kinh doanh và sử dụng đất	10,67	29,33	42,67	12,00	5,33
13	Thông tin về các thay đổi của các quy định về thuế	13,25	38,55	31,33	8,43	8,43



Để tiếp cận được các thông tin nói trên, qua điều tra có 53,85% doanh nghiệp tại An Giang cho rằng việc phải có mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước là cần thiết hoặc rất cần thiết.

Việc tham vấn doanh nghiệp trước khi sửa đổi hay ban hành chính sách mới là yêu cầu cần thiết, thể hiện sự minh bạch của môi trường kinh doanh. Tuy vậy, theo đánh giá của các doanh nghiệp dân doanh, các cơ quan Nhà nước tại An Giang vẫn chưa thực hiện tốt yêu cầu này. Qua điều tra, có đến 14,74% doanh nghiệp cho rằng các UBND và Sở, ngành của tỉnh An Giang chưa bao giờ gặp các doanh nghiệp dân doanh để thảo luận về các thay đổi trong pháp luật và chính sách. 30,53% cho rằng hiếm khi và 37,89% đánh giá là thỉnh thoảng.

**Hình 15: UBND hay các Sở, ngành của tỉnh có thường xuyên gặp doanh nghiệp của bạn và các doanh nghiệp dân doanh khác để thảo luận về các thay đổi pháp luật và chính sách không?**



### 5.7. Hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt đòi hỏi các doanh nghiệp phải tăng cường liên kết với nhau chặt chẽ và hiệu quả. Tuy vậy, điều rất đáng lo ngại là tỷ lệ các doanh nghiệp dân doanh tại An Giang tham gia các hiệp hội hiện còn rất ít. Điều tra 2007 cho thấy, tỷ lệ các doanh nghiệp tại An Giang làm thành viên một hiệp hội nào đó chỉ là 31,58%.

Một trong những chức năng quan trọng của các hiệp hội doanh nghiệp là kênh thông tin để phản ánh các vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hội viên lên các cơ quan quản lý Nhà nước, đối với các hiệp hội địa phương thì đối với các sở, ban ngành và lãnh đạo của tỉnh. Tuy vậy, qua khảo sát thì kênh này không phải đều được các doanh nghiệp dân doanh đánh giá cao. Qua điều tra, có 68% doanh nghiệp cho rằng phản ánh thông qua các hiệp hội doanh nghiệp không hiệu quả hoặc ít hiệu quả.

## C - PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1: ĐIỂM PCI 2007 CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Chú thích

TB:

Trung bình

TĐT:

Tương đối thấp

Tỉnh/thành phố	Xếp hạng	Nhóm xếp hạng PCI 2007	Chi phí gia nhập thị trường	Tiếp cận đất đai	Tính minh bạch gian	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Ưu đãi đối với DNN	Tình năng động của lãnh đạo tỉnh	Chính sách PTKVKTTN	Đào tạo lao động lý	Thiết chế pháp lý	Chỉ số PCI 2007
Bình Dương	1	Rất tốt	7.95	7.02	7.44	7.34	7.17	8.29	9.20	8.38	7.75	5.48	77.20
Vĩnh Long	3	Rất tốt	8.02	6.67	7.54	6.20	6.43	8.24	6.71	6.98	8.05	5.33	70.14
An Giang	6	Tốt	7.76	6.63	6.93	6.93	6.57	6.94	7.71	7.44	4.94	5.05	66.47
Đồng Tháp	9	Tốt	8.09	7.06	7.12	6.49	6.64	7.20	5.99	6.39	6.40	5.07	64.89
Sóc Trăng	11	Tốt	9.10	6.78	5.82	7.35	5.96	7.07	7.11	5.92	5.91	5.73	64.68
Tiền Giang	12	Tốt	8.81	7.10	6.39	7.49	7.71	7.76	6.76	5.44	4.97	6.10	64.63
Bến Tre	14	Tốt	8.85	7.23	6.53	7.90	7.63	5.92	6.07	4.70	5.78	5.54	62.88
Cần Thơ	17	Tốt	8.50	6.49	5.95	6.74	6.63	6.17	4.57	6.86	6.67	5.06	61.76
Hậu Giang	19	Khá	6.23	7.17	5.71	6.66	6.53	5.73	7.12	4.99	5.43	5.05	59.41
Long An	21	Khá	8.28	7.71	6.32	6.69	7.04	6.70	5.76	3.61	5.75	5.10	58.82
Trà Vinh	28	Khá	7.75	7.15	5.32	5.65	6.09	6.32	6.78	3.95	5.17	5.17	56.30
Cà Mau	29	Khá	7.12	6.05	6.35	7.76	6.07	6.66	4.67	4.28	5.26	4.64	56.19
Kiên Giang	39	TB	6.45	6.59	5.78	6.67	5.89	4.88	4.17	4.53	4.22	6.20	52.82
Bạc Liêu	60	TĐT	6.56	6.44	4.40	5.29	5.82	6.06	3.37	2.26	3.84	3.96	42.49
Đak Nông	64	Thấp	6.45	5.29	2.24	4.60	6.44	4.79	3.49	2.94	2.36	5.33	37.96



## PHỤ LỤC 2: PCI 2007 CỦA AN GIANG VÀ TÍNH TRUNG VỊ CỦA CẢ NƯỚC

	Chi phí gia nhập thị trường	Tiếp cận đất đai	Tính minh bạch	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Ưu đãi đối với DNNN	Tính năng động của lãnh đạo tỉnh	Chính sách PTKVKTTN	Đào tạo lao động	Thiết chế pháp lý
An Giang	7.76	6.63	6.93	6.93	6.57	6.94	7.71	7.44	4.94	5.05
Tính trung vị	7.87	6.27	5.84	6.21	6.59	6.73	4.95	4.71	5.03	4.33
Mức tăng	-0.11	0.36	1.09	0.72	-0.01	0.21	2.76	2.74	-0.08	0.72

## PHỤ LỤC 3: PCI CỦA AN GIANG NĂM 2006 VÀ NĂM 2007

	Chi phí gia nhập thị trường	Tiếp cận đất đai	Tính minh bạch	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Ưu đãi đối với DNNN	Tính năng động của lãnh đạo tỉnh	Chính sách PTKVKTTN	Đào tạo lao động	Thiết chế pháp lý	Chỉ số PCI 2007
2007	7.76	6.63	6.93	6.93	6.57	6.94	7.71	7.44	4.94	5.05	66.47
2006	7.64	6.37	6.64	4.57	7.00	6.43	7.59	7.06	4.55	3.38	60.45
Mức tăng	0.12	0.26	0.28	2.36	-0.42	0.51	0.12	0.39	0.39	1.67	6.02

## PHỤ LỤC 4: MẪU ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP CỦA AN GIANG

### Phân bố tổng thể doanh nghiệp tỉnh An Giang (dữ liệu của Tổng cục Thuế)

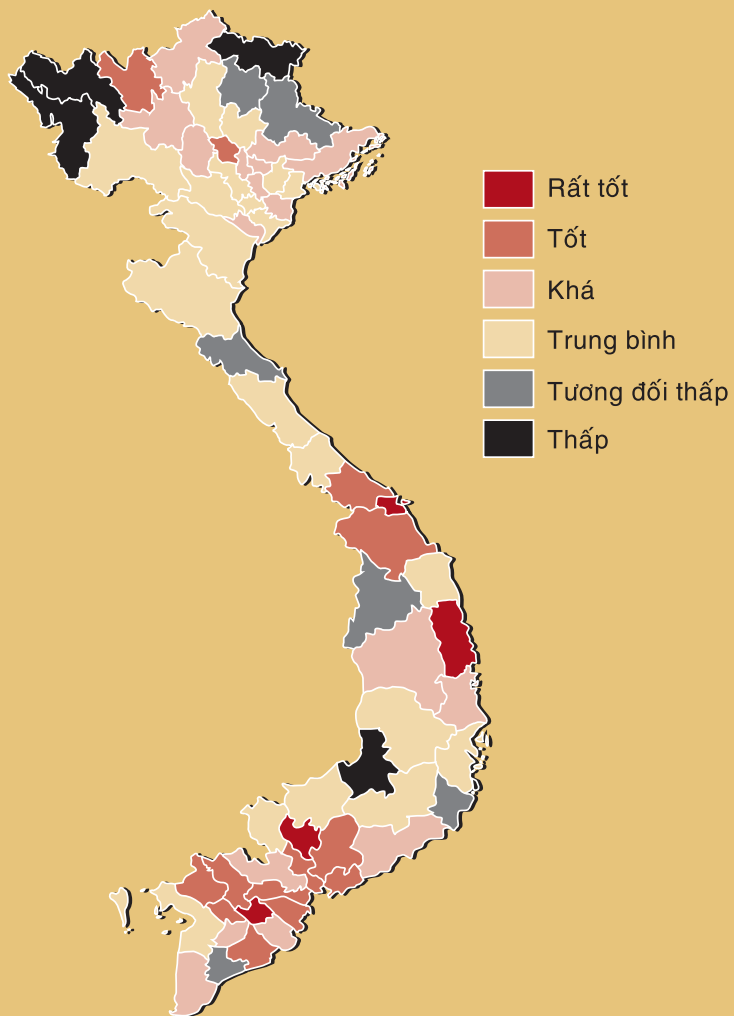
Công ty CP	Công ty TNHH	DNTN
2,60%	28,39%	69,01%
Sản xuất/Xây dựng	Thương mại/Dịch vụ	Nông nghiệp/Khai thác Tài nguyên (KTTN)
34,26%	65,38%	0,36%
ĐKKD trước Luật DN	ĐKKD sau Luật DN	
26,51%	73,49%	

### Phân bố mẫu nghiên cứu doanh nghiệp tỉnh An Giang của PCI 2007

Công ty CP	Công ty TNHH	DNTN
4,17%	29,17%	66,67%
Sản xuất/Xây dựng	Thương mại/Dịch vụ	Nông nghiệp/KTTN
36,46%	57,29%	6,25%
ĐKKD trước Luật DN	ĐKKD sau Luật DN	
27,84%	72,16%	

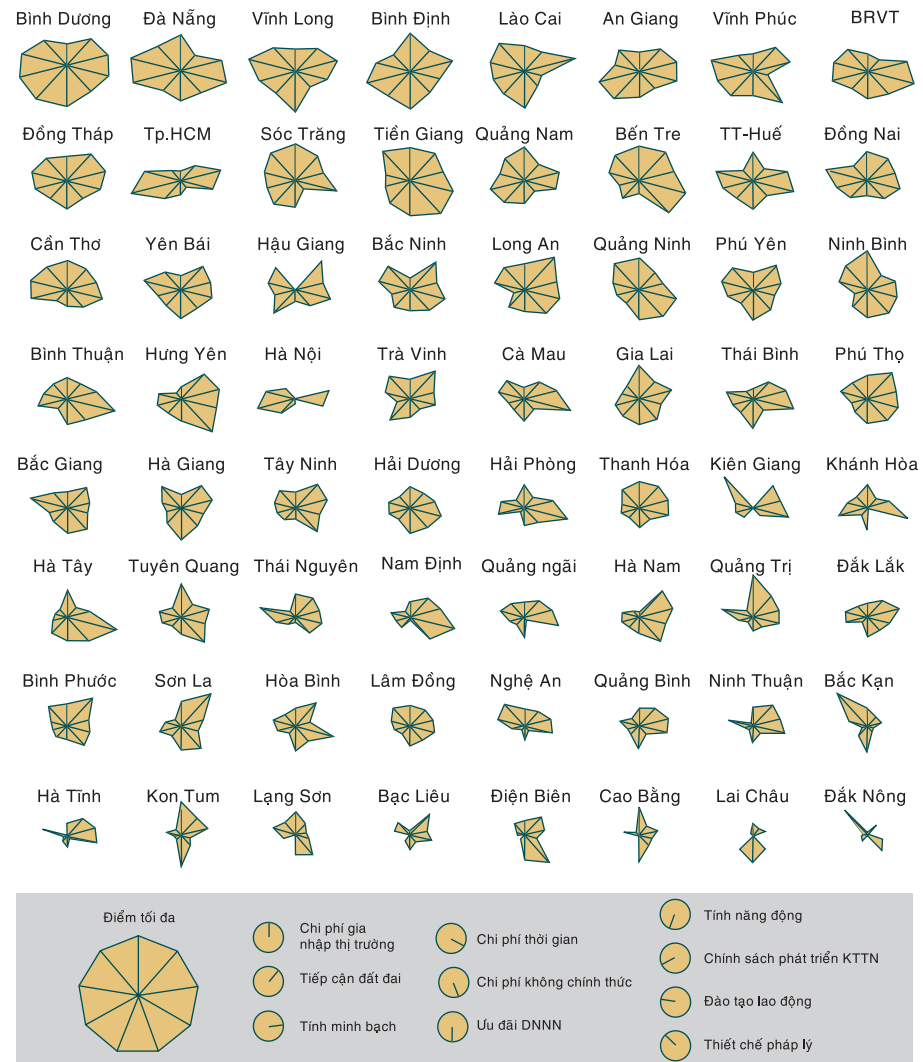


**PHỤ LỤC 5: BẢN ĐỒ PCI 2007 CỦA 64 TỈNH, THÀNH PHỐ CỦA VIỆT NAM**



**PHỤ LỤC 6:**

BIỂU ĐỒ "HÌNH SAO" THỂ HIỆN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG TỈNH THEO CHỈ SỐ THÀNH PHẦN



CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM NĂM 2007

# MỤC LỤC

## A - LỜI NÓI ĐẦU .....2

## B - NỘI DUNG .....4

1. Tổng quan về Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI .....4
2. Tổng quan chung về các doanh nghiệp dân doanh qua điều tra PCI .....13
3. Kết quả PCI 2007 của tỉnh An Giang .....19
4. Các chỉ số thành phần cụ thể của An Giang .....26
5. Các doanh nghiệp tại An Giang đang đối mặt với khó khăn gì? .....37

## C - PHỤ LỤC .....50

- PHỤ LỤC 1: ĐIỂM PCI 2007 CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG .....50
- PHỤ LỤC 2: PCI 2007 CỦA AN GIANG VÀ TỈNH TRUNG VỊ CỦA CẢ NƯỚC .....52
- PHỤ LỤC 3: PCI CỦA AN GIANG NĂM 2006 VÀ NĂM 2007 .....52
- PHỤ LỤC 4: MẪU DOANH NGHIỆP TỔNG THỂ VÀ MẪU ĐIỀU TRA PCI 2007 CỦA TỈNH AN GIANG .....53
- PHỤ LỤC 5: BẢN ĐỒ PCI 2007 CỦA 64 TỈNH, THÀNH PHỐ CỦA VIỆT NAM .....54
- PHỤ LỤC 6: BIỂU ĐỒ “HÌNH SAO” THỂ HIỆN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG TỈNH THEO CHỈ SỐ THÀNH PHẦN .....55